

CASE REPORT



All for your health

I- Thông tin chung bệnh nhân lúc vào viện

1. **Họ tên bệnh nhân (viết tắt):** NGUYỄN HẠ
2. **Tuổi:** 86
3. **Dân tộc:** Kinh.
4. **Giới tính:** Nam.
5. **Nghề nghiệp:** Hưu trí
6. **Ngày giờ vào viện:** 10 giờ 23, ngày 15 tháng 08 năm 2024.
7. **Vào viện tại khoa:** Khoa khám Khoa cấp cứu

II- Tóm tắt quá trình tại khoa ICU

1. **Khám lúc:** 10 giờ 30 phút, ngày 15/10/2024.
2. **Sinh hiệu:** Mạch: 105 l/p, HA: 150/90 mmHg, Nhiệt độ: 37 độ.
Nhịp thở: 40 lần/phút, SPO2 98% (thở máy qua khai khí quản)
3. **Lý do vào viện:** Suy hô hấp đang thở máy
4. **Tóm tắt bệnh sử:** Bệnh nhân 1.5 tháng trước ngày vào viện bị tai biến mạch máu não sau đó viêm phổi sặc , đã thở máy 1.5 tháng và lọc máu 2 lần tại bệnh viện Đà Nẵng , đang trong quá trình cai máy nhưng nhiều lần thất bại , hiện tại vẫn đang thở máy và chuyển bệnh viện Tâm Trí điều trị tiếp.

II- Tóm tắt quá trình tại khoa khám ngoại chấn

5. Tóm tắt tiền sử bệnh/tiền sử dị ứng: Tăng huyết áp

6. Tóm tắt khám thực thể:

7. Bệnh nhân tỉnh, thở máy qua khai khí quản.

Da niêm mạc nhạt màu

Tay trái : Cơ lực 3/5 Trương lực cơ 3/5 .

Chân trái : Cơ lực: 3/5 . Trương lực cơ 3/5.

Tay phải : Cơ lực 4/5 . Trương lực cơ 4/5.

Chân phải : Cơ lực 4/5. Trương lực 4/5

. Tim đều. Phổi nghe nhiều ran ẩm , ran rít, ngáy 2 bên phế trường

Ran ứ đọng 2 bên phế trường. Bụng mềm. Chi ấm. Tiểu qua sonde nước tiểu vàng trong

7. Tóm tắt kết quả cận lâm sàng:



Tại cả cho sức khỏe bạn
TAM TRI ĐÀ NẴNG

BỆNH VIỆN TAM TRI ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 151024-3151
Số vào viện :
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 10:13:55 15/10/2024
Giờ nhập: 10:26:39 15/10/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: Thu Phí

Khoa chỉ định: Phòng Cấp Cứu

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: Viêm phổi do vi khuẩn;

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 05:23:24 15/10/2024

Giờ nhận mẫu: 10:26:24 15/10/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Glucose [Máu] M3	7.4	mmol/L	TỔTB: 5.6 - 6.9	Cobas6000_2
2. Định lượng Urê máu [Máu] M3	7.4	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_2
3. Định lượng Creatinin (máu) M3	54	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
4. Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu] M3	4.1	umol/L	SS24H:>136;>=1 tháng:17; người lớn:<17.1	Cobas6000_1
5. Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] M3	2.5	umol/L	<= 4.1	Cobas6000_1
7. Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] M3	1.6	umol/L	<13	
6. Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] M3	35.3	U/L	<= 37	Cobas6000_2
8. Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] M3	45.8	U/L	<= 41	Cobas6000_2
9. Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu] M3	31.7	U/L	11 - 50	Cobas6000_2
10. Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu] M3	1.3	mmol/L	Tối ưu: <2.59; NCTM rất cao <1.4; NCTM cao <1.8; NCTM trung bình <2.6	Cobas6000_2
11. Định lượng Albumin [Máu] M3	24.7	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
12. Định lượng HbA1c [Máu] (M4)	5.95	%	<= 6.5	Cobas6000_2
13. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.45			
Na+	125.8	mmol/l	135 - 145	
K+	3.76	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.112	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	89.6	mmol/l	96 - 110	
pH	7.332		7.37 - 7.45	
PCO2	56.6	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	3.2	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	3.4	mmol/L		
BB	47.3	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	29.3	mmol/L	21 - 26	

Người kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Loan Phương

11:31 Ngày 15 tháng 10 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thị Loan Phương



All for your health



Tại cả cho sức khỏe bạn
TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
Số 4 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 151024-3151
Số vào viện:
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 10:13:55 15/10/2024
Giờ nhập: 10:26:39 15/10/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: Thu Phí

Khoa chỉ định: Phòng Cấp Cứu

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: Viêm phổi do vi khuẩn;

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 05:23:24 15/10/2024

Giờ nhận mẫu: 10:26:24 15/10/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
PO2 (động mạch)	97.4	mmHg	71 - 101	
SO2	97.0	%	90 - 100	
HCT	21.2	%	35 - 50	
Baro	1022.42	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	26.8	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	163.3	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.1	°C		
HbO2	95.9	%		
HbCO	1.0 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	2.6	%		
MetHb	0.5	%		
14. Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] (M3)	1.2	mmol/L	Máu TM: 0.5 - 2.2 mmol/L; Máu ĐM: 0.4 - 0.8 mmol/L	Cobas6000_2
15. Độ lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	125.29	mL/phút/1.73m ²	>= 60	
XN MIỄN DỊCH				
1. Định lượng Troponin T-hs [Máu] M3	0.032	ng/ml	0 - 0.014	Cobas6000_1
2. Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	0.400	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
3. Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	267.9	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

11:31 Ngày 15 tháng 10 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thị Loan Phương



All for your health



64, Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP.

Điện thoại: 02363 679 555



KẾT QUẢ SIÊU ÂM

Họ tên: **NGUYỄN HẠ**

- Giới tính: Nam

Tuổi: 86

Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- Thời gian thực hiện

15/10/2024

Chỉ định: Phòng Cấp Cứu

- Bs chỉ định: Đỗ Thị Ngọc Thủy

Chẩn đoán: viêm phổi do vi khuẩn;

Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)

TẢ HÌNH ẢNH:

GAN: Không lớn, bờ đều, nhu mô đồng nhất. Tưới máu trong

gan bình thường. Nhu mô gan có nang kt # 19mm

MẬT: Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không

giãn.

MẬT THÀNH: Không dày, không sỏi.

TỤY: Không lớn, đồng nhất, tưới máu trong giới hạn bình

thường.

LÁCH: Không lớn, đồng nhất, tưới máu trong giới hạn bình

thường.

THẬN PHẢI: Không ú nước, không sỏi, tưới máu trong giới

hạn bình thường. Có nang kt # 23mm

THẬN TRÁI: Không ú nước, không sỏi, tưới máu trong giới

hạn bình thường. Có nang kt # 59mm

BÀNG QUANG: Thành không dày, không sỏi.

TIỀN LIỆT TUYẾN: Không lớn, bờ đều, đồng nhất.

KHÁC: Dịch ổ bụng (-).

KẾT LUẬN:

NANG GAN

NANG THẬN HAI BÊN

15:31 Ngày 15 tháng 10 năm 2024
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

BS. CKI Hà Thị Bích Huyền



All for your health



64, Cách Mạng Tháng 8
Điện thoại: 02363 679 555

KẾT QUẢ SIÊU ÂM

Tuổi: 86

- Giới tính: Nam

- Thời gian thực hiện

15/10/2024

- Bs chỉ định: Đỗ Thị Ngọc Thủy

- Họ và tên: NGUYỄN HA

- Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- Số BHYT: Phòng Cấp Cứu

- Nơi chỉ định: viêm phổi do vi khuẩn;

Chẩn đoán: Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực (Siêu âm Doppler màu tim)

Chỉ định: Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực (Siêu âm Doppler màu tim)

MÔ TẢ HÌNH ẢNH:

I: KHẢO SÁT 2D- TM MODE

Vách liên thất: TTR (IVSTd) 9 mm

TT (IVSTs) 14 mm

ĐK thất trái: TTR (LVIDd) 45 mm

TT (LVIDs) 28 mm

Thành sau thất trái: TTR (LVPWd) 9 mm

TT (LVPWs) 14 mm

Phân xuất tổng máu Teichholz (EF) 61 %

Phân xuất co ngắn (FS) 32 %

Động mạch chủ (Ao): 28mm

Nhĩ trái (LA): 29mm

II: Doppler:

- Van 2 lá: không hẹp, hở 2/4, E/A > 1

- Van ĐMC: không hẹp, hở 2/4

- Van 3 lá: không hẹp, hở 2/4, PaPs = 25mmHg

- Van ĐMP: không hẹp.

III. Nhận xét khác:

- Situs: Solitus. Tương ứng nhĩ thất.

- Vách liên thất và vách liên nhĩ nguyên vẹn.

- Không giảm động vùng.

- Các buồng tim không giãn.

- Không tràn dịch màng ngoài tim.

- Không tăng áp phổi.

- Tim co bóp tốt.

- Không thấy huyết khối ở các buồng tim

KẾT LUẬN:

HỞ VAN 2 LÁ 2/4. HỞ VAN 3 LÁ 2/4

HỞ VAN ĐỘNG MẠCH CHỦ 2/4

15:28 Ngày 15 tháng 10 năm 2024

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

BS. CKI Hà Thị Bích Huyền



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ**
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: Thu Phí
Khoa chỉ định: Phòng Cấp Cứu
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi do vi khuẩn;

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:23:24 15/10/2024
Giờ nhận mẫu: 10:26:24 15/10/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
WBC	11.65	10 ⁹ /L	4 - 10	SysmexCN2000_R
NEU%	67.2	%	50 - 75	
NEU#	7.82	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	22.3	%	20 - 45	
LYM#	2.6	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	7.6	%	0 - 9	
MONO#	0.89		0 - 0.9	
EOS%	2.2	%	0 - 6	
EOS#	0.26		0 - 0.7	
BASO%	0.7	%	0 - 2.5	
BASO#	0.08		0 - 0.2	
RBC	2.66	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	73	g/L	120 - 160	
HCT	22.8	%	35 - 55	
MCV	85.7	fL	80 - 97	
MCH	27.4	pg	26 - 32	
MCHC	320	g/L	320 - 360	
RDW	13.8	%	10 - 15	
PLT	313	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	10.3	fL	5 - 11	
PCT	0.32	%	0 - 9.98	
PDW	11.1			

Kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Loan Phương

11:32 Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ**
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: Thu Phí
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 14:05:12 15/10/2024
Giờ nhận mẫu: 14:08:12 15/10/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
WBC	8.7	10 ⁹ /L	4 - 10	SysmexCN2000_R
NEU%	73.5	%	50 - 75	
NEU#	6.4	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	17.1	%	20 - 45	
LYM#	1.49	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	6.9	%	0 - 9	
MONO#	0.6		0 - 0.9	
EOS%	2	%	0 - 6	
EOS#	0.17		0 - 0.7	
BASO%	0.5	%	0 - 2.5	
BASO#	0.04		0 - 0.2	
RBC	2.37	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	66	g/L	120 - 160	
HCT	20.3	%	35 - 55	
MCV	85.7	fL	80 - 97	
MCH	27.8	pg	26 - 32	
MCHC	325	g/L	320 - 360	
RDW	14	%	10 - 15	
PLT	294	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	10.4	fL	5 - 11	
PCT	0.31	%	0 - 9.98	
PDW	11.5			
2. Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phản ứng) (M4)	B	Lần		
3. Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phản ứng) (M4)	DƯƠNG	Lần		

Người kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Loan Phương

14:28 Ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm



- Chẩn đoán :
- Bệnh chính: Xuất huyết tiêu hóa trên / Viêm phổi sắc đã khai khí quản
- Bệnh kèm: Tăng huyết áp / Tai biến mạch máu não
- Biến chứng: Suy hô hấp mức độ trung bình

- Điều trị :
- Thở máy SIMV PC : FiO₂: 40%. PEEP: 5, PSV: 18, Rate: 12. I:E: 1:2, Ti: 1.2s
- Cho bệnh nhân nhịn ăn
- Ceftriaxone 2g/d
- Nexium 40mg*02 lọ. TMC . Nexium duy trì 8mg/h
- SmofKabiven * 01 bì . CTM
- Cerebrolysin 10ml * 02 ống
- Paracetamol 1g x 01 chai. CTM
- Human Albumin 10% * 01 chai
- Khí dung (Salbutamil + Budersonide)
- Tập phục hồi chức năng
- Vỗ rung , hút đàm
- Mời hội chẩn cấp 2 : PHCN, Nội hô hấp, Nội TK
- Hội chẩn cấp 3.

III- Tóm tắt quá trình tại khoa nội trú

Từ ngày 15/10-23/10 : Bệnh đáp ứng với điều trị . Các chỉ số XN lâm sàng cải thiện , ngưng nexium sau 72h , cho bệnh nhân ăn lại. Điều chỉnh các thông số máy thở giảm dần để cai máy. Khí máu tốt.

Ngày 23/10

Bệnh nhân sốt 2 cơn trong ngày .

Nhiệt độ 39-39.5. Phổi nghe nhiều ran ẩm nổ.

Giảm thông khí hai đáy

Hội chẩn cấp 5. Hội chẩn BS trưởng khoa ICU
BVTW Huế.



PHÒNG XÉT NGHIỆM ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÂU TRINH

09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: xetnghiem@pctu.edu.vn

CODE: EV1251

NNM: 16/10/2024

GNM: 20h

Giờ in: 21/10/2024 11:59:51 AM

Tình trạng mẫu: Đạt

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ**
SĐT:0983010737

Năm sinh: 86

Giới tính: Nam

Địa chỉ: Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng

Khoa: KHOA HỒI SỨC CẤP
CỨU

Mã BN: 24045676-3338

Chẩn đoán: Viêm phổi

Bác sĩ chỉ định: BS.Đỗ Thị Ngọc Thuỷ

Bệnh phẩm: Đàm

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

XÉT NGHIỆM		KẾT QUẢ			
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 1		<i>Klebsiella pneumoniae</i> ESBL: Dương tính			
Kháng sinh đồ 1	Ampicillin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole		R
	Gentamicin	R	Amoxicillin/clavulanic acid		R
	Tobramycin	R	Cefotaxime		R
	Tetracycline	R	Ceftazidime		R
	Ciprofloxacin	R	Cefoxitin		R
	Imipenem	R	Cefepime		R
	Meropenem	R	Ampicillin/sulbactam		R
	Amikacin	S	Piperacillin/tazobactam		
	Colistin	S			
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 2		<i>Escherichia coli</i> ESBL: Dương tính			
Kháng sinh đồ 2	Ampicillin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole		S
	Gentamicin	S	Amoxicillin/clavulanic acid		R
	Tobramycin	S	Cefotaxime		R
	Doxycycline	R	Ceftazidime		R
	Ciprofloxacin	R	Cefepime		R
	Imipenem	I	Chloramphenicol		R
	Meropenem	I	Ampicillin/sulbactam		R
	Amikacin	S	Piperacillin/tazobactam		
	Colistin	S	Ticarcillin/clavulanic acid		
R: Đề kháng, I: Trung gian; S: Nhạy cảm					

R: Đề kháng; I: Trung gian; S: Nhạy cảm

PHÒNG XÉT NGHIỆM

CN. TRẦN THỊ LINH ĐÔNG



All for your health



All for your health

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ																												
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 3	<i>Burkholderia cepacia</i>																												
Kháng sinh đồ 3	<table border="1"><tr><td>Ceftazidime</td><td>S</td><td>Meropenem</td><td>R</td></tr><tr><td>Levofloxacin</td><td>S</td><td>Trimethoprim/sulfamethoxazole</td><td>S</td></tr></table> R: Đề kháng, I: Trung gian; S: Nhạy cảm	Ceftazidime	S	Meropenem	R	Levofloxacin	S	Trimethoprim/sulfamethoxazole	S																				
Ceftazidime	S	Meropenem	R																										
Levofloxacin	S	Trimethoprim/sulfamethoxazole	S																										
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 4	<i>Staphylococcus aureus</i> MRSA: Dương tính																												
Kháng sinh đồ 4	<table border="1"><tr><td>Penicillin</td><td>R</td><td>Gentamicin</td><td>R</td></tr><tr><td>Cefoxitin</td><td>R</td><td>Levofloxacin</td><td>R</td></tr><tr><td>Linezolid</td><td>S</td><td>Ciprofloxacin</td><td>R</td></tr><tr><td>Doxycycline</td><td>S</td><td>Rifampin</td><td>S</td></tr><tr><td>Erythromycin</td><td>R</td><td>Chloramphenicol</td><td>S</td></tr><tr><td>Clindamycin</td><td>R</td><td>Trimethoprim/sulfamethoxazole</td><td>S</td></tr><tr><td>Vancomycin</td><td>S</td><td></td><td></td></tr></table> R: Đề kháng, I: Trung gian; S: Nhạy cảm	Penicillin	R	Gentamicin	R	Cefoxitin	R	Levofloxacin	R	Linezolid	S	Ciprofloxacin	R	Doxycycline	S	Rifampin	S	Erythromycin	R	Chloramphenicol	S	Clindamycin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole	S	Vancomycin	S		
Penicillin	R	Gentamicin	R																										
Cefoxitin	R	Levofloxacin	R																										
Linezolid	S	Ciprofloxacin	R																										
Doxycycline	S	Rifampin	S																										
Erythromycin	R	Chloramphenicol	S																										
Clindamycin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole	S																										
Vancomycin	S																												

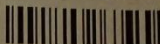
Ghi chú: 1. ESBL (+) vi khuẩn tiết ESBL được xem như kháng với Penicillin và Cephalosporins.
2. MRSA (+) Được xem như đề kháng với tất cả kháng sinh thuộc họ β -lactams. Ngoại trừ Cephalosporins mới có hoạt tính chống MRS (Ceftaroline).

PHÒNG XÉT NGHIỆM ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÂU TRINH
09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: ykpc@ykc.edu.vn



Tài cù chơ sức khỏe bạn
TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

SỞ Y TẾ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64, Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng



Mã BN: 24045676
Số bệnh án: 24.011418
Số phiếu: 24.0203.004403



All for your health

KẾT QUẢ CT- SCANNER

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ** Năm sinh: **1938** Giới tính: **Nam**
Địa chỉ: **k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**
Bác sĩ chỉ định: **Đỗ Thị Ngọc Thủy** Ngày chỉ định: **9 giờ 01 ngày 23/10/2024**
Nơi chỉ định: **KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU** Số bệnh án:
Chẩn đoán:
Chỉ định: **Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (64- 128 dãy)**

MÔ TẢ HÌNH ẢNH

- Mờ đông đặc thùy dưới hai phổi
- Hình ảnh kính mờ rải rác hai phổi, xơ rải rác thùy trên hai phổi
- Dịch màng phổi hai bên lượng ít, mỗi bên # 30 ml
- Hình ảnh các phế quản , nhu mô phổi khác bình thường
- Không thấy khối choán chỗ bất thường
- Không thấy tràn khí màng phổi hai bên
- Không thấy tổn thương xương, mô mềm lồng ngực
- Không thấy hình ảnh bất thường trung thất
- Không thấy hạch lớn bất thường
- Động mạch chủ không phình, không dẫn
- Cột sống ngực không thấy tổn thương dạng khối .
- Vôi hóa động mạch liên thất trước

KẾT LUẬN

- Mờ đông đặc thùy dưới hai phổi
- Hình ảnh kính mờ rải rác hai phổi, xơ rải rác thùy trên hai phổi
- Dịch màng phổi hai bên lượng ít,
- Vôi hóa động mạch liên thất trước

10:14:52 Ngày 23 tháng 10 năm 2024

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

Ngô Văn Hoa

BS.Ngô Văn Hoa



All for your health

MMC
Số sức khỏe ban đầu
ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 11 Đường 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 231024-5722
Số vào viện: 24.011418
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 08:00:41 23/10/2024
Giờ nhập: 8:15:32 23/10/2024
Tình trạng máu: Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Người nhận: NGUYỄN HẠ
Số chỉ định: BHYT (100%) - QL2
Giờ lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 08:15:23 23/10/2024
Giờ nhận mẫu: 08:18:23 23/10/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
WBC	9.03	10 ⁹ /L	4 - 10	System: XN2000_R
NEU%	52.2	%	50 - 75	
NEU#	4.72	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	24.3	%	20 - 45	
LYM#	2.19	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	8.1	%	0 - 9	
MONO#	0.73		0 - 0.9	
EOS%	14.5	%	0 - 6	
EOS#	1.31		0 - 0.7	
BASO%	0.9	%	0 - 2.5	
BASO#	0.08		0 - 0.2	
RBC	3.65	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	103	g/L	120 - 160	
HCT	32.1	%	35 - 55	
MCV	87.9	fL	80 - 97	
MCH	28.2	Pg	26 - 32	
MCHC	321	g/L	320 - 360	
RDW	14.6	%	10 - 15	
PLT	249	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	10.6	fL	5 - 11	
PCT	0.27	%	0 - 9.98	
PDW	12.9			

08:49 Ngày 23 tháng 10 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

Kiểm tra: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyến



u: Đạt

Giới tính: Nam

Giờ lấy mẫu: 08:15:23 23/10/2024

Đã kiểm tra: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyên

08:49 Ngày 23 tháng 10 năm 2024
Phụ Trách Khoa X

Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

thực hiện; XN Tế bào học: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyên; XN KÝ SINH TRÙNG: CN. Nguyễn Thành

Hội chẩn thay đổi Kháng sinh điều trị :

Ceftazidime/ avibactam + Bactrim + Linezolid

Chỉnh liều theo mức lọc cầu thận

Điều trị nâng đỡ thể trạng , nâng albumin, dự phòng loét ép , đảm bảo dinh dưỡng.



All for your health

- Từ ngày 23/10 đến ngày 4/11.

Bệnh nhân nhiều lần bị trào ngược thức ăn , tiêu hóa kém , Bụng chướng , không dung nạp dinh dưỡng đường tiêu hóa nghi có bán tắc ruột , nghi dò khí quản thực quản.

Hội chẩn chuyên gia dinh dưỡng , chuyên gia tiêu hóa.

Dùng thuốc Metochlorpramide + Nexium , mở thông dạ dày qua da tình trạng tiêu hóa được cải thiện, tuy nhiên vẫn có tình trạng trào ngược tự nhiên trong ngày .



Table 2.

Prokinetic drugs used in management of gastrointestinal dysmotility

Prokinetic agent	Dosage
Metoclopramide	10-20 mg IV, 4-6 hourly (5 mg in case of renal failure)
Erythromycin	200 mg or 70 mg IV, 12-hourly
Naloxone	8 mg, 6-hourly
Tegaserod	6 mg, 12-hourly
Neostigmine	0.4-0.8 mg/h infusion
Insufficient data	
Alvimopan	6 mg, 12-hourly
Mitemcinal	10-30 mg, 12-hourly
Domperidone	10-20 mg, 6-hourly
Ghrelin	10 pmol/kg/min infusion
Dexloxiglumide	200 mg, 8-hourly



All for your health

- Điều chỉnh các thông số máy thở xen kẽ CPAP và SIMV để cai máy cho bệnh nhân .
- Các chỉ số nhiễm trùng cải thiện , khí máu cải thiện tốt
-



BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 041124-4250
Số vào viện : 24.011418
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 08:00:00 04/11/2024
Giờ nhập: 6:10:12 04/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu

Loại bệnh phẩm: Máu:
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:10:03 04/11/2024
Giờ nhận mẫu: 06:13:03 04/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)			SysmexXN2000_L	
WBC	9	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU%	73.1	%	50 - 75	
NEU#	6.58	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	11.1	%	20 - 45	
LYM#	1	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	6.3	%	0 - 9	
MONO#	0.57		0 - 0.9	
EOS%	8.8	%	0 - 6	
EOS#	0.79		0 - 0.7	
BASO%	0.7	%	0 - 2.5	
BASO#	0.06		0 - 0.2	
RBC	3.46	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	96	g/L	120 - 160	
HCT	30.1	%	35 - 55	
MCV	87	fL	80 - 97	
MCH	27.7	pg	26 - 32	
MCHC	319	g/L	320 - 360	
RDW	15.3	%	10 - 15	
PLT	113	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	12.8	fL	5 - 11	
PCT	0.14	%	0 - 9.98	
PDW	17.3			

Người kiểm tra: CN. Võ Thị Thu Thảo

06:35 Ngày 04 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



Tất cả cho sức khỏe bạn
TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 031124-4098
Số vào viện : 24.011418
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 06:00:00 03/11/2024
Giờ nhập: 4:59:06 03/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 04:58:36 03/11/2024
Giờ nhận mẫu: 05:01:36 03/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
1. Định lượng Pro-calcitonin [Giá Định lượng CRP/CRP hs] M3	0.296	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
2. Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	2801	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

Người kiểm tra: CN. Nguyễn Thành Luân

06:03 Ngày 03 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



All for your health



64 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số vào viện : 24.011418
Mã y tế: 4819324045676
Giờ chỉ định: 06:00:00 03/11/2024
Giờ nhập: 4:59:06 03/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ nhân: NGUYỄN HẠ Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Loại chỉ định: BHYT (100%) - QL2 Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 04:58:36 03/11/2024
Giờ nhận mẫu: 05:01:36 03/11/2024
Đã lấy mẫu: CN, Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
Định lượng Albumin [Máu] M3	29.9	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
Kết nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.35			
Na+	132.0	mmol/l	135 - 145	
K+	3.76	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.127	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	94.8	mmol/l	96 - 110	
pH	7.413		7.37 - 7.45	
PCO2	45.7	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	3.6	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	3.9	mmol/L		
BB	48.5	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	28.5	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	130.4	mmHg	71 - 101	
SO2	99.0	%	90 - 100	
HCT	29.7	%	35 - 50	
Baro	1023.32	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	27.2	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	70.4	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.0	°C		
HbO2	97.0	%		
HbCO	1.2 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	1.3	%		
MetHb	0.6	%		
Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] (M3)	1.4	mmol/L	Máu TM: 0.5 - 2.2 mmol/L; Máu ĐM: 0.4 - 0.8 mmol/L	Cobas6000_2

XN MIỄN DỊCH

Người kiểm tra: CN. Nguyễn Thành Luân

06:03 Ngày 03 tháng 11 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thành Luân

Người thực hiện: XN Tế bào học: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyên; XN KÝ SINH TRƯỜNG

- 6/11 : Rút máy thở cho bệnh nhân, chuyển qua thở T-Tube (oxy 1-5l)
- Ngưng kháng sinh sau khi đủ 14 ngày điều trị theo tinh thần hội chẩn
- Lâm sàng bệnh nhân tiến triển tốt. Phổi còn giảm thông khí 2 đáy phổi , ít ran ẩm rải rác



All for your health

- 8/11: Bệnh nhân sốt lại 3 cơn trong ngày. Nhiệt độ từ 38.5-39.5.
- Lâm sàng tiến triển xấu. SpO2 giảm : 90-92% (thở t-tube 5l/ph). Phổi nghe nhiều ran ẩm , ran nổ rải rác , giảm thông khí 2 đáy .
- Cấy đàm còn dương tính nhiều lần . Khí máu : $PaO_2/FiO_2 < 200$

Chào mừng bạn
M. TRI ĐÀ NẴNG

Giờ chỉ định: 19:00:00 08/11/2024
Giờ nhập: 19:29:19 08/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Mã BHYT (100%) - QL2
Mã chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Thời lấy mẫu:
Thời nhận mẫu: CN, Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 19:19:42 08/11/2024
Giờ nhận mẫu: 19:22:42 08/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)			SysmexXN2000_R	
WBC	14.86	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU%	68.8	%	50 - 75	
NEU#	10.22	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	16.3	%	20 - 45	
LYM#	2.42	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	9.7	%	0 - 9	
MONO#	1.44		0 - 0.9	
EOS%	4.4	%	0 - 6	
EOS#	0.66		0 - 0.7	
BASO%	0.8	%	0 - 2.5	
BASO#	0.12		0 - 0.2	
RBC	3.5	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	96	g/L	120 - 160	
HCT	29.3	%	35 - 55	
MCV	83.7	fL	80 - 97	
MCH	27.4	pg	26 - 32	
MCHC	328	g/L	320 - 360	
RDW	14.8	%	10 - 15	
PLT	150	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	12.3	fL	5 - 11	
PCT	0.18	%	0 - 9.98	
PDW	16.4			

Người kiểm tra: CN. Võ Thị Thu Thảo

20:05 Ngày 08 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



All for your health



BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 081124-1016
Số vào viện: 24.011418
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 19:00:00 08/11/2024
Giờ nhập: 19:29:19 08/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Người nhận: NGUYỄN HẠ
Chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Chỉ định: BHYT (100%) - QL2
Giờ lấy mẫu: 19:19:42 08/11/2024
Giờ nhận mẫu: 19:22:42 08/11/2024
Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				
	0.41			CobasB221_1
	130.1	mmol/l	135 - 145	
	3.87	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.093	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	90.9	mmol/l	96 - 110	
pH	7.436		7.37 - 7.45	
PCO2	45.7	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	5.3	mmol/L	-2 - + 3	
BE cef	5.8	mmol/L		
BB	49.8	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	29.8	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	72.5	mmHg	71 - 101	
SO2	95.4	%	90 - 100	
HCT	29.6	%	35 - 50	
Baro	1025.87	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	28.8	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	165.4	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	38.2	°C		
HbO2	95.4	%		
HbCO	1.0 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	2.9	%		
MetHb	0.7	%		

XN MIỄN DỊCH				
Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	0.176	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2

Người kiểm tra: CN. Võ Thị Thu Thảo

20:05 Ngày 08 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



PHÒNG XÉT NGHIỆM
ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÂU TRINH

09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: xetnghiem@pctu.edu.vn

CODE: EX25

NNM: 25/10/2024

GNM: 20H

Giờ in: 30/10/2024 9:03:03 AM

Tình trạng mẫu: Đạt



All for your health

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ**

Năm sinh: 86

Giới tính: Nam

SĐT: 0983010737

Địa chỉ: Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng

Khoa: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Chẩn đoán: Viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu

Mã BN: 24045676-1627

Bác sĩ chỉ định: BS Đỗ Thị Ngọc Thủy

Bệnh phẩm: Đàm

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ			
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 1	<i>Klebsiella pneumoniae</i> ESBL: Dương tính			
Kháng sinh đồ 1	Ampicillin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole	R
	Gentamicin	R	Amoxicillin/clavulanic acid	R
	Tobramycin	R	Cefotaxime	R
	Tetracycline	R	Ceftazidime	R
	Ciprofloxacin	R	Cefoxitin	R
	Imipenem	R	Cefepime	R
	Meropenem	R	Ampicillin/sulbactam	R
	Ertapenem	R	Piperacillin/tazobactam	R
	Amikacin	S	Colistin	S
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 2	<i>Enterobacter aerogenes</i> ESBL: Dương tính			
Kháng sinh đồ 2	Ampicillin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole	R
	Gentamicin	R	Amoxicillin/clavulanic acid	R
	Tobramycin	R	Cefotaxime	R
	Doxycycline	R	Ceftazidime	R
	Ciprofloxacin	R	Cefepime	R
	Imipenem	R	Chloramphenicol	R
	Meropenem	R	Ampicillin/sulbactam	R
	Ertapenem	R	Piperacillin/tazobactam	R
	Amikacin	S	Colistin	S

R: Đề kháng, I: Trung gian, S: Nhạy cảm

PHÒNG XÉT NGHIỆM

[Signature]



All for your health

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ			
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 3	<i>Acinetobacter baumannii</i>			
Kháng sinh đồ 3	Ampicillin/sulbactam	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole	R
	Ceftazidime	R	Cefepime	R
	Cefotaxime	R	Piperacillin/tazobactam	R
	Gentamicin	R	Ciprofloxacin	R
	Tobramycin	R	Levofloxacin	R
	Imipenem	R	Amikacin	R
	Meropenem	R	Colistin	S
	Doxycycline	S	Tetracycline	R
R: Đề kháng, I: Trung gian; S: Nhạy cảm				

Ghi chú: ESBL (+) vi khuẩn tiết ESBL được xem như kháng với Penicillin và Cephalosporins.



All for your health

KẾT QUẢ CT- SCANNER

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ** Năm sinh: **1938** Giới tính: **Nam**
Địa chỉ: **k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**
Bác sĩ chỉ định: **Đỗ Thị Ngọc Thùy** Ngày chỉ định: **9 giờ 15 ngày 09/11/2024**
Nơi chỉ định: **KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU** Số bệnh án:
Chẩn đoán: **viêm phổi, tác nhân không đặc hiệu**
Chỉ định: **Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (64- 128 dãy)**

MÔ TẢ HÌNH ẢNH

- Mờ đông đặc thùy dưới và rải rác hai phổi
 - Hình ảnh kính mờ rải rác hai phổi, xơ rải rác thùy trên hai phổi
 - Dịch màng phổi hai bên lượng ít, mỗi bên # 50 ml
 - Hình ảnh các phế quản , nhu mô phổi khác bình thường
 - Không thấy khối choán chỗ bất thường
 - Không thấy tràn khí màng phổi hai bên
 - Không thấy tổn thương xương, mô mềm lồng ngực
 - Không thấy hình ảnh bất thường trung thất
 - Không thấy hạch lớn bất thường
 - Động mạch chủ không phình, không dẫn
 - Cột sống ngực không thấy tổn thương dạng khối .
 - Vôi hóa động mạch liên thất trước
- Dò thực quản và khí quản

KẾT LUẬN

- Mờ đông đặc thùy dưới và rải rác hai phổi
 - Hình ảnh kính mờ rải rác hai phổi, xơ rải rác thùy trên hai phổi
 - Dịch màng phổi hai bên lượng ít
- Dò thực quản và khí quản

9:53:11 Ngày 9 tháng 11 năm 2024

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

BS. Ngô Văn Hoa

- Điều trị:
- Hội chẩn với BS Dũng (TK ICU – BVTW Huế) + Hội chẩn cấp 5
- Đề nghị dùng lại kháng sinh : Meropenem + Cortrim + Linezolid thêm 14 ngày
- Nâng cao thể trạng , dinh dưỡng tĩnh mạch, cân bằng điện giải, cân bằng lượng dịch vào ra.
- Hội chẩn bs dinh dưỡng và bs tiêu hóa: Cải thiện tình trạng trào ngược bằng Nexium + Metochlorpramide + Elthon

- Ngày 9/11-20/11 :
- Bệnh nhân lâm sàng cải thiện , SpO2 cải thiện.
- Phổi giảm ran ẩm 2 phế trường
- Khí máu cải thiện
- Tình trạng dinh dưỡng cải thiện

20/11

- Hội chẩn cấp 5 + hội chẩn chuyên gia
- Ngừng kháng sinh
- Ngừng khí dung Burdesonide



All for your health

Giờ chỉ định: 08:17:19 21/11/2024

Giờ nhập: 9:57:41 21/11/2024

Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Loại bệnh phẩm: BHYT (100%) - QL2

Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Chẩn đoán:

Chẩn đoán: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 09:57:37 21/11/2024

Giờ nhận mẫu: 10:00:37 21/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000_L				
WBC	6.79	$10^9/L$	4 - 10	
NEU%	58.1	%	50 - 75	
NEU#	3.95	$10^9/L$	1.7 - 7.5	
LYM%	22.4	%	20 - 45	
LYM#	1.52	$10^9/L$	0.4 - 4.5	
MONO%	10.3	%	0 - 9	
MONO#	0.7		0 - 0.9	
EOS%	8	%	0 - 6	
EOS#	0.54		0 - 0.7	
BASO%	1.2	%	0 - 2.5	
BASO#	0.08		0 - 0.2	
RBC	3.15	$10^{12}/L$	4 - 5	
HGB	86	g/L	120 - 160	
HCT	26	%	35 - 55	
MCV	82.5	fL	80 - 97	
MCH	27.3	pg	26 - 32	
MCHC	331	g/L	320 - 360	
RDW	15.7	%	10 - 15	
PLT	152	$10^9/L$	150 - 450	
MPV	11.3	fL	5 - 11	
PCT	0.17	%	0 - 9.98	
PDW	14.4			

Chẩn tra: CN. Nguyễn Thị Xứng

10:19 Ngày 21 tháng 11 năm 2024



All for your health

TRƯỜNG Y DƯỢC TMMHC
Số bệnh phẩm: 201124-4900
Số vào viện: 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 11:53:11 20/11/2024
Giờ nhập: 12:07:16 20/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ
Số điện thoại: 0983010737
Địa chỉ: 44/1116 đường, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Yêu cầu: BHYT (100%) - QL2
Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: viêm phổi sặc/ tai biến mạch máu não

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định: Nguyễn Đại Tâm
Giờ lấy mẫu: 11:55:30 20/11/2024
Giờ nhận mẫu: 11:58:30 20/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
h lượng Urê máu [Máu] M3	XN HÓA SINH			
h lượng Creatinin (máu) M3	10.0	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_1
hoạt độ AST (GOT) [Máu] M3	58	umol/L	53 - 106	Cobas6000_1
hoạt độ ALT (GPT) [Máu] M3	19.8	U/L	<= 37	Cobas6000_1
h lượng Albumin [Máu] M3	16.8	U/L	<= 41	Cobas6000_1
t nghiệm Khí máu [Máu] (M6)	34.1	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
FIO2				CobasB221_1
Na+	0.25			
K+	131.3	mmol/l	135 - 145	
Ca2+	4.19	mmol/l	3.5 - 5	
Cl-	1.099	mmol/l	1.12 - 1.3	
pH	95.4	mmol/l	96 - 110	
PCO2	7.428		7.37 - 7.45	
BE (kiềm dư)	37.1	mmHg	32 - 46	
BE cef	-0.3	mmol/L	-2 - + 3	
BB	-0.4	mmol/L		
HCO3 (chuẩn)	45.0	mmol/L	45	
PO2 (động mạch)	24.0	mmol/L	21 - 26	
SO2	76.2	mmHg	71 - 101	
HCT	95.5	%	90 - 100	
Baro	33.1	%	35 - 50	
tHB	1025.53	mmHg		
stHCO3	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
AaDO2	24.1	mmol/L	21 - 26	
Nhiệt độ	61.9	mmHg	10 - 50	
HbO2	37.0	OC		
HbCO	95.0	%		
HHb	1.1 (NonReactive)	%	<= 10	
MetHb	3.5	%		
	0.4	%		

12:53 Ngày 20 tháng 11 năm 20

Khoa Xét Nghiệm

kiểm tra: CN. Nguyễn Thành Luân

CN. Nguyễn Thành Luân

CHỮ TRƯNG: CN. Nguyễn Thành Luân;

- Ngày 22/11: Ngưng hoàn toàn kháng sinh
- Ngày 24/11 – 25/11: Bệnh nhân sốt lại từ 3-5 cơn/ ngày . Nhiệt độ dao động từ 38.5-39.5.
- Lâm sàng không có vẻ mặt nhiễm trùng . Các XN biland nhiễm trùng không tăng nhiều.
- PaO₂/FiO₂: >300



BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 231124-1009
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 09:17:59 23/11/2024
Giờ nhập: 10:28:52 23/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ

Địa chỉ: K48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0983010737

Tương đương: BHYT (100%) - QL2

Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Yêu cầu lấy mẫu:

Yêu cầu nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán:

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 10:28:04 23/11/2024

Giờ nhận mẫu: 10:31:04 23/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
h lượng CRP4 (Tina-quant C-Reactive Protein)	54.36	mg/L	<= 5	Cobas6000_1
ng nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
IO2	0.21			
la+	132.6	mmol/l	135 - 145	
+	4.79	mmol/l	3.5 - 5	
a2+	1.131	mmol/l	1.12 - 1.3	
	99.3	mmol/l	96 - 110	
	7.446		7.37 - 7.45	
IO2	32.5	mmHg	32 - 46	
(kiểm dư)	-1.7	mmol/L	-2 - +3	
cef	-2.2	mmol/L		
	43.9	mmol/L	45	
O3 (chuẩn)	21.9	mmol/L	21 - 26	
(động mạch)	67.1	mmHg	71 - 101	
	93.9	%	90 - 100	
	34.1	%	35 - 50	
	1026.64	mmHg		
	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
O3	23.0	mmol/L	21 - 26	
O2	47.3	mmHg	10 - 50	
độ	37.0	°C		
	92.8	%		
	1.3 (NonReactive)	%	<= 10	
	5.5	%		
	0.4	%		

CN. Nguyễn Thị Loan Phương

11:02 Ngày 23 tháng 11 năm 2024

Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm



All for your health

Tại cả cho sức khỏe bạn
TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

Giờ chỉ định: 06:00:00 24/1/2024
Giờ nhập: 6:34:36 24/1/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ**
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đội tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: viêm phổi/tai biến mạch máu não

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định: Nguyễn Đại Tâm
Giờ lấy mẫu: 06:34:33 24/1/2024
Giờ nhận mẫu: 06:37:33 24/1/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Creatinin (máu) M3	67	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
2. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
♦ FIO2	0.21			
Na+	130.3	mmol/l	135 - 145	
K+	4.25	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.095	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	98.4	mmol/l	96 - 110	
pH	7.399		7.37 - 7.45	
PCO2	37.2	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	-2.0	mmol/L	-2 - + 3	
BE cef	-2.3	mmol/L		
BB	43.0	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	22.1	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	63.1	mmHg	71 - 101	
SO2	92.3	%	90 - 100	
HCT	26.4	%	35 - 50	
Baro	1025.18	mmHg		
tHb	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	22.8	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	35.8	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	38.9	0C		
HbO2	91.0	%		
HbCO	1.5 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	7.2	%		
MetHb	0.4	%		
3. Độ lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	97.68	mL/phút/1.73m ²	>= 60	
XN MIỄN DỊCH				
1. Định lượng Pro-calcitonin [Giá Định lượng CRP/CRP hs] M3	0.624	ng/ml	< 0.05	Cobas6000

Người kiểm tra: CN. Hà Văn Duy

07:19 Ngày 24 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

[Signature]



All for your health

Trạng thái cho tin

TRƯỜNG Y DƯỢC ĐÀ NẴNG

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Tình trạng mẫu: Đợt

Người nhận: k48/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0983010737

Đơn vị: BHYT (100%) - QL2

Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Đoán: .

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 05:55:01 25/11/2024

Giờ nhận mẫu: 05:58:01 25/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
lượng Bilirubin toàn phần [Máu] M3	7.4	umol/L	SS24H:>136;>=1 tháng;17; người lớn:<17.1	Cobas6000_1
lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] M3	4.3	umol/L	<= 4.1	Cobas6000_1
lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] M3	3.1	umol/L	<13	Cobas6000_1
t độ AST (GOT) [Máu] M3	43.7	U/L	<= 37	Cobas6000_1
t độ ALT (GPT) [Máu] M3	37.9	U/L	<= 41	Cobas6000_1
lượng CRP4 (Tina-quant C-Reactive Protein	101.93	mg/L	<= 5	Cobas6000_1
lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] (M3)	0.8	mmol/L	Máu TM: 0.5 - 2.2 mmol/L; Máu ĐM: 0.4 - 0.8 mmol/L	Cobas6000_2

06:45 Ngày 25 tháng 11 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

Trưởng CN. Nguyễn Thị Xứng

25/5

- Hội chẩn cấp 5 ngày 25/5: Tiếp tục theo dõi tình trạng sốt , sử dụng lại kháng sinh nếu biland nhiễm trùng tăng.
- Cấy máu, làm thêm các XN tìm nguyên nhân sốt



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

NGUYỄN HẠ
Số 3010737
KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Bác: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:55:01 25/11/2024
Giờ nhận mẫu: 05:58:01 25/11/2024

Trào vào viện: 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 06:00:00 25/11/2024
Giờ nhập: 5:55:29 25/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC			
Xét nghiệm tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)			
			SysmexXN2000_L
7.68	10 ⁹ /L	4 - 10	
74	%	50 - 75	
5.68	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
13.5	%	20 - 45	
1.04	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
10	%	0 - 9	
0.77		0 - 0.9	
2.1	%	0 - 6	
0.16		0 - 0.7	
0.4	%	0 - 2.5	
0.03		0 - 0.2	
2.83	10 ¹² /L	4 - 5	
78	g/L	120 - 160	
23.7	%	35 - 55	
83.7	fL	80 - 97	
27.6	pg	26 - 32	
329	g/L	320 - 360	
15.9	%	10 - 15	
98	10 ⁹ /L	150 - 450	
11.1	fL	5 - 11	
0.11	%	0 - 9.98	
13.7			

06:45 Ngày 25 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

Nguyễn Thị Xứng



All for your health

Số bệnh phẩm: 251124-1329
Số vào viện: 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 05:56:08 25/11/2024
Giờ nhập: 6:50:51 25/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

Số 079 555 ... Đà Nẵng

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Người nhận: NGUYỄN HẠ
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỐI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: VIÊM PHỔI

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:47:29 25/11/2024
Giờ nhận mẫu: 06:50:29 25/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Định lượng D-Dimer [Máu] M3	1.34	ug/ml	<= 0.5	Cobas6000_2
Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động M1				CobasT411_1
T. Prothrombin	60.9	%	>= 70	
INR	1.53		0.97 - 4.75	
Time Quick	15.3	giây	9.6 - 12.6	
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
TCK	43.9	giây	25 - 45	

07:08 Ngày 25 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

Kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Xứng



All for your health

Phiếu kết quả xét nghiệm

NGUYỄN HẠ
Số 11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số BHYT: 0983010737
Đơn vị: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Họ tên mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu; Phân; Khác;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 15:50:05 25/11/2024
Giờ nhận mẫu: 15:53:05 25/11/2024

Số vào viện: 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chi định: 09:26:08 25/11/2024
Giờ nhập: 15:51:28 25/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
Serum Ferritin [Máu]. M3	1517	ng/mL	18 - 440	Cobas6000_2
Serum Pro-calcitonin [Máu] M3	1.05	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2

16:41 Ngày 25 tháng 11 năm 2024



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 06:00:00 25/11/2024
Giờ nhập: 5:55:29 25/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

NGUYỄN HẠ
Số bệnh: 448/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
BHYT (100%) - QL2
Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Yêu cầu lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Nhận mẫu: .

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:55:01 25/11/2024
Giờ nhận mẫu: 05:58:01 25/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)	XN HÓA SINH			
FIO2	0.33			
Na+	129.4	mmol/l	135 - 145	
K+	3.82	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.144	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	96.2	mmol/l	96 - 110	
pH	7.407		7.37 - 7.45	
PCO2	36.4	mmHg	32 - 46	
BB	46.3	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	22.4	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	88.8	mmHg	71 - 101	
HCT	22.3	%	35 - 50	
stHCO3	22.9	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	108.1	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.7	0C		

06:48 Ngày 25 tháng 11

Tối ngày 25/11

- Sau khi hội chẩn , dùng lại kháng sinh theo kháng sinh đồ :

09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: xetnghiem@pctu.edu.vn

NNM: 20/11/2024

GNM: 20H

Giờ in: 23/11/2024 5:56:23 PM

Tình trạng mẫu: Đạt



All for your health

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ** SĐT: **0983010737** Năm sinh: 86 Giới tính: Nam

Địa chỉ: Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng Khoa: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Chẩn đoán: Mã BN: 24045676-4939

Bác sĩ chỉ định: BS Đỗ Thị Ngọc Thủy

Bệnh phẩm: Đàm

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ			
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 1	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>			
Kháng sinh đồ 1	Ceftazidime	R	Piperacillin/ tazobactam	R
	Cefepime	R	Ticarcillin/ clavulanic acid	R
	Imipenem	R	Gentamicin	R
	Meropenem	R	Levofloxacin	R
	Tobramycin	R	Ciprofloxacin	R
	Amikacin	R	Netilmicin	R
	Fosfomycin	R	Colistin	S
	Trimethoprim/sulfamethoxazole	R		
R: Đề kháng; I: Trung gian; S: Nhạy cảm				
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 2	<i>Klebsiella pneumoniae</i> ESBL: Dương tính			
Kháng sinh đồ 2	Ampicillin	R	Trimethoprim/sulfamethoxazole	R
	Gentamicin	R	Amoxicillin/clavulanic acid	R
	Tobramycin	R	Cefotaxime	R
	Tetracycline	R	Ceftazidime	R
	Ciprofloxacin	R	Cefoxitin	R
	Imipenem	R	Cefepime	R
	Meropenem	R	Ampicillin/sulbactam	R
	Ertapenem	R	Piperacillin/tazobactam	R
	Amikacin	R	Colistin	S

PHÒNG XÉT NGHIỆM

CN. TRẦN THỊ LINH ĐÔNG



All for your health

XÉT NGHIỆM		KẾT QUẢ	
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn 3		<i>Acinetobacter baumannii</i>	
Kháng sinh đồ 3	Ampicillin/sulbactam	I	Trimethoprim/sulfamethoxazole
	Ceftazidime	R	Cefepime
	Cefotaxime	R	Piperacillin/tazobactam
	Gentamicin	R	Ciprofloxacin
	Tobramycin	R	Levofloxacin
	Imipenem	R	Amikacin
	Meropenem	R	Fosfomycin
	Doxycycline	R	Tetracycline
	Vancomycin	R	

R: Đề kháng; I: Trung gian; S: Nhạy cảm

Hội chẩn cấp 3- Hội chẩn cấp 5

- Điều trị : Colistin+ Ampicilline/Sulbactam liều cao chỉnh liều theo mức lọc cầu thận

26/11-28/11

- Bệnh nhân không đáp ứng kháng sinh , tiếp tục sốt cao liên tục , tụt huyết áp dùng Noradrenaline để duy trì huyết áp. SOFA: 6đ
- Xuất hiện các biến chứng của nhiễm khuẩn huyết



TRUNG TÂM YẾU MỸ KHÁC BÀN
HÀ NỘI

Địa chỉ: P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 281124-2471
Số vào viện: 24.012024
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 06:06:16 28/11/2024
Giờ nhập: 6:54:32 28/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ
Số chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Mã bệnh phẩm: BHYT (100%) - QL2
Chẩn đoán: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: .

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:47:59 28/11/2024
Giờ nhận mẫu: 06:50:59 28/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
WBC	13.72	10 ⁹ /L	4 - 10	SysmexXN2000_L
NEU%	78.7	%	50 - 75	
NEU#	10.79	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	12.6	%	20 - 45	
LYM#	1.73	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	6.6	%	0 - 9	
MONO#	0.91		0 - 0.9	
EOS%	1.7	%	0 - 6	
EOS#	0.24		0 - 0.7	
BASO%	0.4	%	0 - 2.5	
BASO#	0.05		0 - 0.2	
RBC	3.08	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	85	g/L	120 - 160	
HCT	25.5	%	35 - 55	
MCV	82.8	fL	80 - 97	
MCH	27.6	pg	26 - 32	
MCHC	333	g/L	320 - 360	
RDW	16.1	%	10 - 15	
PLT	110	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	11.5	fL	5 - 11	
PCT	0.13	%	0 - 9.98	
PDW	16.7			
Định lượng D-Dimer [Máu] M3	2.09	ug/ml	<= 0.5	Cobas6000_2

07:27 Ngày 28 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

Kiểm tra: CN. Võ Thị Thu Thảo

[Signature]
Khuôn



All for your health

TRƯỜNG Y KHOA BẠN
TRƯỜNG ĐÀ NẴNG

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ
Số chỉ: K48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: BHYT (100%) - QL2
Bác sĩ chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Giới lấy mẫu: CN. Hà Văn Duy
Thời gian nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: .

Số bệnh phẩm: 281124-2554
Số vào viện: 24012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 08:25:13 28/11/2024
Giờ nhập: 8:31:28 28/11/2024
Tình trạng mẫu: Đủ

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 08:30:22 28/11/2024
Giờ nhận mẫu: 08:33:22 28/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động M1				
T. Prothrombin	52.6	%	>= 70	CobasT411_1
JNR	1.72		0.97 - 4.75	
Time Quick	16.9	giây	9.6 - 12.6	
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động M1				
TCK	50.1	giây	25 - 45	CobasT411_1
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động M1)	208	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1

09:24 Ngày 28 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

Yêu cầu: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyên

Thị Hồng Khuyên





All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Giờ chỉ định: 08:32:38 28/11/2024
Giờ nhập: 8:33:41 28/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 08:33:15 28/11/2024
Giờ nhận mẫu: 08:36:15 28/11/2024

Người nhận: NGUYỄN HẠ
Địa chỉ: k48/111ê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Phân tủy: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: viêm phổi

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Định lượng Cortisol (máu). M3	356.4 (8H30)	nmol/l	(7h-10h:171-536; 16h-20h:64-327)	Cobas6000_2
Định lượng Pro-calcitonin [Giá Định lượng P/CRP hs] M3	2.73	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2

09:30 Ngày 28 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 281124-2653
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 10:29:55 28/11/2024
Giờ nhập: 10:42:38 28/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ
Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: .

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 10:42:39 28/11/2024
Giờ nhận mẫu: 10:45:39 28/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	8058	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

11:14 Ngày 28 tháng 11 năm: 2024
Khoa Xét Nghiệm

(Signature)

Người kiểm tra: CN. Nguyễn Thu Thảo



All for your health



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 08:33:15 28/1/2024
Giờ nhận mẫu: 08:36:15 28/1/2024

Chẩn đoán: viêm phổi

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Creatinin (máu) M3	87	umol/L	53 - 106	Cobas6000_1
2. Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu] M3	8.9	umol/L	SS24H:>136;>=1 tháng:17; người lớn:<17.1	Cobas6000_1
3. Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] M3	6.8	umol/L	<= 4.1	Cobas6000_1
4. Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] M3	2.1	umol/L	<13	
5. Định lượng Calci toàn phần [Máu] M3	1.77	mmol/L	2.15 - 2.6	Cobas6000_2
6. Định lượng Calci ion hoá [Máu] M3	0.92	mmol/L	1.11 - 1.35	
7. Định lượng Magie [Máu] M3	0.51	mmol/L	0.66 - 1.07	Cobas6000_2
8. Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] (M3)	1.1	mmol/L	Máu TM: 0.5 - 2.2 mmol/L; Máu ĐM: 0.4 - 0.8 mmol/L	Cobas6000_2
9. Độ lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	72.26	mL/phút/1.73m ²	>= 60	

09:25 Ngày 28 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



All for your health

Tại cả cho sức khỏe bạn

TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

Số vào viện: 24.012644

Mã y tế: 4819324045676

Giờ chỉ định: 08:21:37 28/11/2024

Giờ nhập: 8:24:11 28/11/2024

Tình trạng mẫu: Đạt

24

24

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: BHYT (100%) - QL2

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy

Chẩn đoán: viêm phổi

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

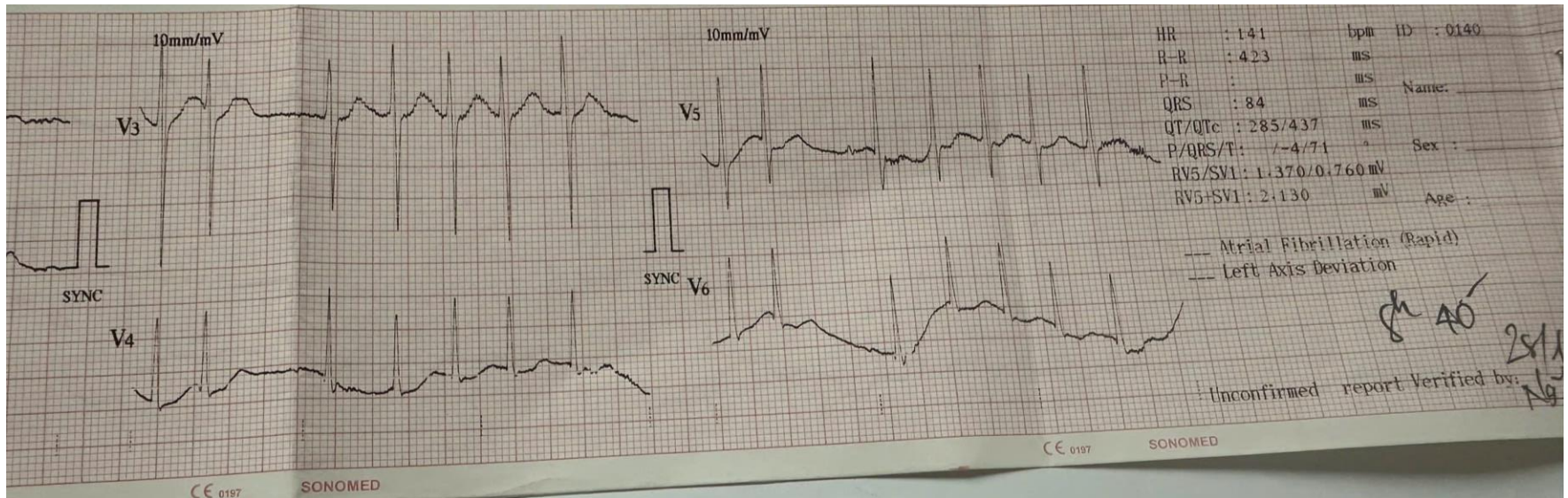
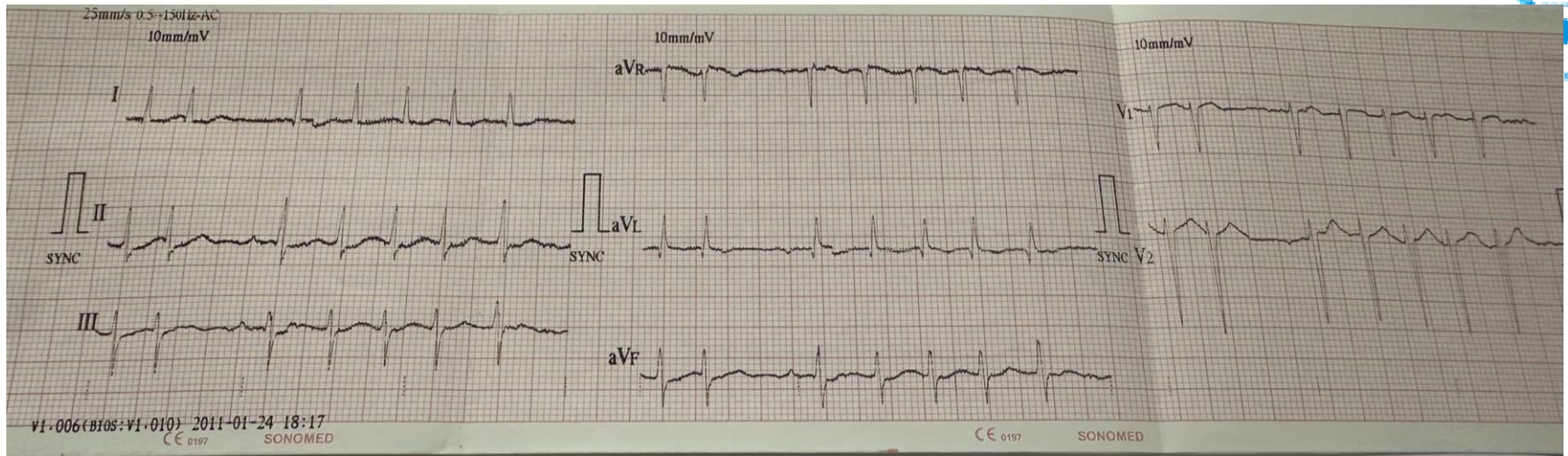
Giờ lấy mẫu: 08:24:14 28/11/2024

Giờ nhận mẫu: 08:27:14 28/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				
CobasB221_1				
FIO2	0.41			
Na+	138.6	mmol/l	135 - 145	
K+	2.54	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.026	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	101.6	mmol/l	96 - 110	
pH	7.335		7.37 - 7.45	
PCO2	51.2	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	0.6	mmol/L	-2 - + 3	
BE cef	0.7	mmol/L		
BB	45.4	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	26.1	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	101.4	mmHg	71 - 101	
SO2	97.5	%	90 - 100	
HCT	25.6	%	35 - 50	
Baro	1030.90	mmHg		
tHb	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	24.7	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	125.2	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	38.9	OC		
HbO2	96.1	%		
HbCO	1.2 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	2.2	%		
MetHb	0.5	%		

08:31 Ngày 28 tháng 11 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm



Điện thoại: 02363 679 555
TP. Đà Nẵng
24045676

KẾT QUẢ SIÊU ÂM

NGUYỄN HẠ
k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Giới tính: Nam
Tuổi: 86
Thời gian thực hiện: 28/11/2024
Bs chỉ định: Đỗ Thị Ngọc Thủy

KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực (Siêu âm Doppler màu tim)

MÔ TẢ HÌNH ẢNH:

II. KHẢO SÁT 2D- TM MODE

Vách liên thất: TTR (IVSTd)	9	mm
T (IVSTs)	14	mm
Vách thất trái: TTR (LVIDd)	50	mm
T (LVIDs)	28	mm
Thành sau thất trái: TTR (LVPWd)	9	mm
T (LVPWs)	14	mm
Phân xuất tổng máu Teichholz (EF)	58	%
Phân xuất co ngắn (FS)	31	%
Động mạch chủ (Ao):	30mm	
Thĩ trái (LA):	35mm	

III. Doppler:

Ván 2 lá: không hẹp, hở 2/4
Ván ĐMC: không hẹp, hở 2/4
Ván 3 lá: không hẹp, hở 2/4, PaPs = 35mmHg
Ván ĐMP: không hẹp.

IV. Nhận xét khác:

Situs: Solitus. Tương ứng nhĩ thất.
Vách liên thất và vách liên nhĩ nguyên vẹn.
Không giảm động vùng.
Các buồng tim không dẫn.
Ít dịch màng ngoài tim, bề dày vị trí thành bên thất trái # 6mm.
Không tăng áp phổi.
Không thấy huyết khối ở các buồng tim
TAPSE: 20mm
IVC: 13mm/20mm.

KẾT LUẬN:

HỞ VAN 2 LÁ 2/4. HỞ VAN 3 LÁ 2/4
HỞ VAN ĐỘNG MẠCH CHỦ 2/4
ÍT DỊCH MÀNG NGOÀI TIM

09:03 Ngày 28 tháng 11 năm 2024
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA



All for your health

29/11



PHÒNG XÉT NGHIỆM
ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÂU TRINH
09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: xetnghiem@pctu.edu.vn

CODE: EY115B
NNM: 27/11/2024
GNM: 20h
Giờ in: 29/11/2024 8:29:34 AM
Tình trạng mẫu: Đạt

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ** Năm sinh: 86 Giới tính: Nam
SDT: 0983010737

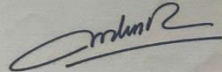
Địa chỉ: Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng Khoa: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Mã BN: 24045676-2161

Chẩn đoán:
Bác sĩ chỉ định: BS.Đỗ Thị Ngọc Thuý
Bệnh phẩm: Máu(tay phải)

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ SƠ BỘ
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn	Dương tính: <i>Nấm men</i>

Lưu ý: Kết quả không loại trừ khả năng ngoại nhiễm.

PHÒNG XÉT NGHIỆM




CÔNG TY TNHH DV VÀ TM NAM KHOA
793/58 Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT (028) 37715818; (028) 37752252. Email: namkhoa.biotek@gmail.com
Giấy phép số: 05505/ SYT-GPHĐ. SYT TP. HCM cấp ngày 10/03/2016



VLAM 1.0364
ISO 15189:2012



All for your health

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM (MEDICAL LABORATORY REPORT)

Số (ID): 261124-241119275

THÔNG TIN BỆNH NHÂN (PATIENT INFORMATION)

Họ và tên (Patient Name)	: NGUYỄN HẠ	Nơi gửi mẫu (Health Facility)	: ĐH PHAN CHÂU TRINH
Tuổi (Age)	: 0	Giới tính: (Sex)	:
Địa chỉ (Address)	:	Bác sĩ (Clinician)	:
Yêu cầu (Test requested)	: PCR PHÁT HIỆN GENE KHÁNG KHÁNG SINH	Chẩn đoán (Diagnosis)	: MIC COLISTIN + GENE KHÁNG KS
Bệnh phẩm (Specimen)	: CHŨNG ACINOBACTER/BA	Tình trạng mẫu (Specimen condition)	: Đạt (Qualified)
Phương pháp (Method)	: Multiplex Real-time PCR	Quy trình số (SOP No.)	: QTKT-TN064
Ngày nhận (Date of reception)	: 26/11/2024 18:02:00	Thiết bị (Machine)	: KingFisher Flex; CFX - 96
		Ngày trả kết quả (Report Date)	: 28/11/2024

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM (RESULTS)

Khóm kháng sinh (Anti-biotic):	Gen kháng kháng sinh (genes)
Antibiotic Resistance Genes	OX451, OX423

Ghi chú (Note):

Thực hiện (Performed)

Phê duyệt (Approval)

ThS. Trần Khánh Duy
Xét nghiệm viên (Technician)

TS. BS. PHẠM HÙNG VÂN
Trưởng phòng Xét nghiệm (Head of Laboratory)

TM GUKQ-PTN

261124-241119275

NGUYỄN HẠ

1/2



PHÒNG XÉT NGHIỆM

CÔNG TY TNHH DV VÀ TM NAM KHOA
793/58 Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT (028) 37715818; (028) 37752252. Email: namkhoa.biotech@gmail.com
Giấy phép số: 05505/SYT-GPHD. SYT TP. HCM cấp ngày 10/03/2016



VLAM 1.0364
ISO 15189:2013



All for your health

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM (MEDICAL LABORATORY REPORT)

Số (ID): 261124-241119273

THÔNG TIN BỆNH NHÂN (PATIENT INFORMATION)

Họ và tên (Patient Name)	: NGUYỄN HẠ	Nơi gửi mẫu (Health Facility)	: ĐH PHAN CHÂU TRINH
Tuổi (Age)	: 0	Giới tính: (Sex)	:
Địa chỉ (Address)	:	Bác sĩ (Clinician)	:
Yêu cầu (Test requested)	: PCR PHÁT HIỆN GENE KHÁNG KHÁNG SINH	Chẩn đoán (Diagnosis)	: MIC COLISTIN + GENE KHÁNG KS
Bệnh phẩm (Specimen)	: CHŨNG P.AUREGINOSA/BA	Tình trạng mẫu (Specimen condition)	: Đạt (Qualified)
Phương pháp (Method)	: Multiplex Real-time PCR	Quy trình số (SOP No.)	: QTKT-TN064
Ngày nhận (Date of reception)	: 26/11/2024 18:02:00	Thiết bị (Machine)	: KingFisher Flex; CFX - 96
		Ngày trả kết quả (Report Date)	: 28/11/2024

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM (RESULTS)

Nhóm kháng sinh (Anti-biotic):	Gen kháng kháng sinh (genes)
Antibiotic Resistance Genes	NDM-1

Ghi chú (Note):

Thực hiện (Performed)

Phê duyệt (Approval)

ThS. Trần Khánh Duy
Xét nghiệm viên (Technician)

TS. BS. PHẠM HÙNG VÂN
Trưởng phòng Xét nghiệm (Head of Laboratory)



All for your health



PHÒNG XÉT NGHIỆM
CÔNG TY TNHH DV VÀ TM NAM KHOA
793/58 Trần Xuân Soạn, P. Tân Hưng, Q.7, TP. Hồ Chí Minh.
ĐT (028) 37715818; (028) 37752252. Email: namkhoa.biotech@gmail.com
Giấy phép số: 05505/ SYT-GPHD, SYT TP. HCM cấp ngày 10/03/2016



AOSC
VLAM 1.0364
ISO 15189:2013

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM
(MEDICAL LABORATORY REPORT)

Số ID: 261124-241119274

THÔNG TIN BỆNH NHÂN (PATIENT INFORMATION)

Họ và tên : NGUYỄN HẠ (Patient Name)	Nơi gửi mẫu : ĐH PHAN CHÂU TRINH (Health Facility)
Tuổi : 0 (Age)	Giới tính : (Sex)
Địa chỉ : (Address)	Bác sĩ : (Clinician)
Yêu cầu : PCR PHÁT HIỆN GENE KHÁNG KHÁNG SINH (Test requested)	Chẩn đoán : MIC COLISTIN + GENE KHÁNG KS (Diagnosis)
Bệnh phẩm : CHỨNG KLEBSIELLA/BA (Specimen)	Tình trạng mẫu : Đạt (Qualified) (Specimen condition)
Phương pháp : Multiplex Real-time PCR (Method)	Quy trình số : QTKT-TN064 (SOP No.)
Ngày nhận : 26/11/2024 18:02:00 (Date of reception)	Thiết bị : KingFisher Flex; CFX - 96 (Machine)
	Ngày trả kết quả : 28/11/2024 (Report Date)

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM (RESULTS)

Nhóm kháng sinh (Anti-biotic): Antibiotic Resistance Genes	Gen kháng kháng sinh (genes) OXA48, NDM-1, CTX-A/B, CTX-M1
---	--

Ghi chú (Note):

Thực hiện (Performed)

ThS. Trần Khánh Duy
Xét nghiệm viên (Technician)

Phê duyệt (Approval)

TS. BS. PHẠM HÙNG VÂN
Trưởng phòng Xét nghiệm (Head of Laboratory)

- Chẩn đoán:
- Nhiễm khuẩn huyết do nấm Candida / Viêm phổi thở máy
- Cho bệnh nhân thở máy lại
- Dùng kháng sinh : Ceftazidim/avibactam + Aztreonam + Linezolid + Caspofudin
- Sử dụng immunoglobulin
- Điều trị hỗ trợ , kiểm soát tình trạng rung nhĩ cơ, cân bằng điện giải.

- Từ ngày 29/11-5/12 : Bệnh nhân còn sốt liên tục nhiều cơn trong ngày (2-3 cơn/ngày)
- Ngừng Noradrenaline vào ngày 29/11
- Thở máy không hiệu quả, xuất tình trạng toan hô hấp do tình trạng do khí quản – thực quản nên thông khí ko hiệu quả
- Xuất hiện tăng Natri máu khó điều chỉnh , suy thận cấp , suy tim cấp, rối loạn đông máu



All for your health



64 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
Điện thoại: 02363 679 555

Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 04:16:27 30/11/2024
Giờ nhập: 4:27:03 30/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Số: 48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Mã BHYT (100%) - QL2
Chức vụ: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Chẩn đoán: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: viêm phổi

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 01:21:14 30/11/2024
Giờ nhận mẫu: 03:24:14 30/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000_R				
BC	12.89	$10^9/L$	4 - 10	
NEU%	67.7	%	50 - 75	
NEU#	8.72	$10^9/L$	1.7 - 7.5	
LYM%	18.4	%	20 - 45	
LYM#	2.37	$10^9/L$	0.4 - 4.5	
MONO%	5.4	%	0 - 9	
MONO#	0.7		0 - 0.9	
EOS%	7.9	%	0 - 6	
EOS#	1.02		0 - 0.7	
BASO%	0.6	%	0 - 2.5	
BASO#	0.08		0 - 0.2	
C	2.9	$10^{12}/L$	4 - 5	
HGB	80	g/L	120 - 160	
HCT	25.4	%	35 - 55	
MCV	87.6	fL	80 - 97	
MCH	27.6	pg	26 - 32	
MCHC	315	g/L	320 - 360	
RDW	17.3	%	10 - 15	
MPV	142	$10^9/L$	150 - 450	
PCT	12.2	fL	5 - 11	
PDW	0.17	%	0 - 9.98	
Prothrombin	16.6			
Prothrombin	5.48	ug/ml	≤ 0.5	Cobas6000_2
Prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy				
CobasT411_1				
Prothrombin	51.9	%	≥ 70	
Prothrombin	1.74		0.97 - 4.75	
Prothrombin	17.0	giây	9.6 - 12.6	

Chẩn đoán: CN. Nguyễn Thành Luân

05:42 Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thành Luân

Chẩn đoán: XN Tế bào học: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyến; XN KÝ SINH TRÙNG: CN. Nguyễn Thành Luân;



BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 301124-3216
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 04:16:27 30/11/2024
Giờ nhập: 4:27:03 30/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Số: K48/11 là duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đơn vị: BHYT (100%) - QL2
Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Lấy mẫu:
Nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: viêm phổi

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 01:21:14 30/11/2024
Giờ nhận mẫu: 03:24:14 30/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Đo thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên CK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
Đo Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I) bằng phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, máy bán tự động (M1)	31.3 187	giây mg/dl	25 - 45 196 - 428	CobasT411_1

Kiểm tra: CN. Nguyễn Thành Luân

05:42 Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

Kiểm tra: XN Tế bào học: CN



All for your health



Tình trạng mẫu: Đạt



NGUYỄN HẠ
 số: k48/11 lễ đoàn, Phường Hải Châu 1,
 thoại: 0983010737
 ng: BHYT (100%) - QL2
 vị định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 lấy mẫu:
 nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy
 vận: viêm phổi

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 01:21:14 30/11/2024

Giờ nhận mẫu: 03:24:14 30/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
lượng Urê máu [Máu] M3	9.1	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_2
lượng Creatinin (máu) M3	139	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
act độ AST (GOT) [Máu] M3	35.7	U/L	<= 37	Cobas6000_2
act độ ALT (GPT) [Máu] M3	31.5	U/L	<= 41	Cobas6000_2
act độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) M3	73.1	U/L	11 - 50	Cobas6000_2
lượng Calci toàn phần [Máu] M3	2.00	mmol/L	2.15 - 2.6	Cobas6000_2
lượng Calci ion hoá [Máu] M3	1.04	mmol/L	1.11 - 1.35	Cobas6000_2
lượng Magie [Máu] M3	0.71	mmol/L	0.66 - 1.07	Cobas6000_2
lượng Magie [Máu] (M6)				CobasB221_1
HO2	0.40			
Na+	152.6	mmol/l	135 - 145	
K+	3.73	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.192	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	114.6	mmol/l	96 - 110	
pH	7.293		7.37 - 7.45	
PCO2	55.3	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	-0.6	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	-0.4	mmol/L		
BB	44.7	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	25.9	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	87.2	mmHg	71 - 101	
SO2	95.5	%	90 - 100	
HCT	23.6	%	35 - 50	
Baro	1025.71	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	23.6	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	133.2	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	38.0	OC		

05:42 Ngày 30 tháng 11 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thành Luân

Đã kiểm tra: CN. Nguyễn Thành Luân

Người thực hiện: XN TẾ HÂN: CN. Trần Thị Liễu Khuê; XN KÝ SINH TRÙNG: CN. Nguyễn Thành Luân;

Tree



BỆNH VIỆN TÂM THẦN ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 3011240301
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 12:00:00 30/11/2024
Giờ nhập: 12:24:02 30/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Số: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Ngày: BHYT (100%) - QL2
Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Lấy mẫu:
Nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán:

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 12:23:26 30/11/2024
Giờ nhận mẫu: 12:26:26 30/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
lượng Troponin T-hs [Máu] M3	0.109	ng/ml	0 - 0.014	Cobas6000_1
lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	3.53	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	7313	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

Người kiểm tra: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

12:58 Ngày 30 tháng 11 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm





All for your health

TMMCC
TRUNG TÂM YẾU CẦU KHÁC BỆNH
TÂM TRI ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 301124-3392
Số vào viện: 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 10:51:19 30/1/2024
Giờ nhập: 10:58:42 30/1/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ**
Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Hà Văn Duy
Chẩn đoán: viêm phổi

Năm sinh: 12/05/1938
Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Dịch; Khác;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 10:58:42 30/1/2024
Giờ nhận mẫu: 11:01:42 30/1/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN VI SINH				
1. Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường - (CÂY TÌM NẤM)	Candida albicans	Lần		
1. Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường - (CÂY TÌM NẤM)				
Bệnh phẩm	MÁU			
2. Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh) (kháng sinh đồ)		CFU/ml	S: nhạy; I: trung gian; R: đề kháng.	
2. Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh) (kháng sinh đồ)				
Fluconazole	MIC: <=0.5	µg/mL	S: nhạy; R: kháng; I: trung gian; NS: không nhạy	
Voriconazole	MIC: <=0.12	µg/mL	S: nhạy; R: kháng; I: trung gian; NS: không nhạy	
Caspofungin	MIC: <=0.12	µg/mL	S: nhạy; R: kháng; I: trung gian; NS: không nhạy	
Amphotericin B	MIC: 0.5	µg/mL	S: nhạy; R: kháng; I: trung gian; NS: không nhạy	
Micafungin	MIC: <=0.06	µg/mL	S: nhạy; R: kháng; I: trung gian; NS: không nhạy	

15:07 Ngày 01 tháng 12 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

2/12

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, Phường Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại: 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 021224-3799
Số vào viện: 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 05:00:00 02/12/2024
Giờ nhập: 6:01:05 02/12/2024
Tình trạng mẫu: Đã

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ
Số chỉ: K48/111 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Mã bệnh phẩm: BHYT (100%) - QL2
Bác sĩ chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Giờ lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Nhiễm trùng huyết

Năm sinh: 12/05/1938. Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu; Dịch; Khác;
Bác sĩ chỉ định: Huỳnh Quốc Cường
Giờ lấy mẫu: 05:26:00 02/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:29:00 02/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Tổng phần tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
WBC	13.46	10 ⁹ /L	4 - 10	SysmexCN2000_L
NEU%	80.3	%	50 - 75	
NEU#	10.8	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	14	%	20 - 45	
LYM#	1.88	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	2.8	%	0 - 9	
MONO#	0.38	%	0 - 0.9	
EOS%	2.5	%	0 - 6	
EOS#	0.34	%	0 - 0.7	
BASO%	0.4	%	0 - 2.5	
BASO#	0.06	%	0 - 0.2	
RBC	2.68	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	73	g/L	120 - 160	
HCT	23.3	%	35 - 55	
MCV	86.9	fL	80 - 97	
MCH	27.2	pg	26 - 32	
MCHC	313	g/L	320 - 360	
RDW	18	%	10 - 15	
PLT	149	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	12.2	fL	5 - 11	
PCT	0.18	%	0 - 9.98	
PDW	14.2	%		
Bệnh lượng D-Dimer [Máu] M3	4.23	ug/ml	<= 0.5	Cobas6000_2
Thời gian prothrombin (PT; Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy				CobasT411_1
Chỉ số đông M1				
T. Prothrombin	58.1	%	>= 70	
INR	1.59	%	0.97 - 4.75	
Time Quick	15.8	giây	9.6 - 12.6	

Ngày kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Loan Phương

06:41 Ngày 02 tháng 12 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm



All for your health

64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số vào viện: 202405676
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 05:00:00 02/12/2024
Giờ nhập: 6:01:05 02/12/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: K48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Mã bệnh: BHYT (100%) - QL2
Đơn chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Nhiễm trùng huyết

Loại bệnh phẩm: Máu; Dịch; Khác;
Bác sĩ chỉ định: Huỳnh Quốc Cường
Giờ lấy mẫu: 05:26:00 02/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:29:00 02/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
TCK	63.7	giây	25 - 45	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I) bằng phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động M1)	200	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1

06:41 Ngày 02 tháng 12 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

Kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Loan Phương



All for your health



Tại cả cha sức khỏe bạn
TMMC
TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 07:49:20 02/12/2024
Giờ nhập: 7:53:14 02/12/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



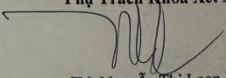
PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ**
Địa chỉ: k48/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 07:53:13 02/12/2024
Giờ nhận mẫu: 07:56:13 02/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
1. Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	2.04	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2

Người kiểm tra: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyên

08:23 Ngày 02 tháng 12 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thị Loan Phương

Người thực hiện: XN Tế bào học: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyên; XN Ký SINH TRÙNG: CN. Nguyễn Thành Luân;

Trang 1/1



All for your health



TMMHC
TAM TRI DA NANG

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 021224-3197
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 05:00:00 02/12/2024
Giờ nhập: 6:01:05 02/12/2024
Tình trạng mẫu: Đạt



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ** Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Đội nòng: BHYT (100%) - QL2
Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: Nhiễm trùng huyết

Loại bệnh phẩm: Máu; Dịch; Khác;
Bác sĩ chỉ định: Huỳnh Quốc Cường
Giờ lấy mẫu: 05:26:00 02/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:29:00 02/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Urê máu [Máu] M3	13.4	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_2
2. Định lượng Creatinin (máu) M3	173	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
3. Điện giải đồ (Na+, K+, Cl) [Máu] M3				Cobas6000_2
Na+	152	mmol/L	135 - 145	
K+	3.41	mmol/L	3.5 - 5.5	
Cl-	116.2	mmol/L	96 - 106	
4. Định lượng Magie [Máu] M3	0.82	mmol/L	0.66 - 1.07	Cobas6000_2
5. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.50			
Na+	156.3	mmol/l	135 - 145	
K+	3.46	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.186	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	116.2	mmol/l	96 - 110	
pH	7.372		7.37 - 7.45	
PCO2	45.5	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	0.6	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	0.5	mmol/L		
BB	44.0	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	25.8	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	113.5	mmHg	71 - 101	
SO2	98.3	%	90 - 100	
HCT	10.2	%	35 - 50	
Baro	1021.72	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	24.7	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	194.7	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.2	OC		
HbO2	96.6	%		
HbCO	1.4 (NonReactive)	%	<= 10	

Người Kiểm tra: CN. Nguyễn Thị Loan Phương

06:41 Ngày 02 tháng 12 năm 2024
Phụ Trách Khoa Xét Nghiệm
CN. Nguyễn Thị Loan Phương



All for your health

- Điều trị:
- Kháng sinh: Ceftazidime/avibactam + Linezolid + aztreonam + Caspofugin
- Truyền Plasma
- Vitamin K 10mg. TB
- Glucose 5% + NaCl 0.45%
- Nexium 40mg
- Cân bằng điện giải: Kali . Magie , Calci
- Cân bằng lượng dịch ra vào
- Đạm thận

Ngày 03/12/2024



All for your health

diễn biến	Y lệnh
Bệnh tỉnh, lơ mơ Đàm còn tăng tiết Phổi còn rale ẩm 2 phế trường, ít rale ứ đọng Còn sốt 2 cử/ngày, có từng cơn rét run M: 90 l/ph HA: 130/60 mmHg SpO2: 95% Phù nhẹ cánh tay Tim đều rõ Bụng mềm Bộ phận sinh dục giảm đỏ DV/DR: 2630/3000 ml	LINE BFS 600mg + Zavicefta 2g/0.5g + Atreonam 2000mg Caspofungin Acetate 50mg x 1 lọ Panangin (400+452mg) x 2 ống Neoamiu x 2 túi Glucose 5% x 02 chai BFS furosemide 20mg x 2 ống Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống Nexium 42,5mg x 2 lọ Vitamin K 10mg x 2 ống Vincomid 10mg/2ml x 6 ống Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống Meyerapagil x 6 viên Elthon 50mg x 4 viên Amcoda 200mg x 1 viên Enterogermina x 3 ống Thở máy SIMV:PEEP: 6 , PSV: 18, FiO2: 40%, I:E: 1:2. Rate 12, FiO2: 50%



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



NGUYỄN HẠ

ê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

083010737

T (100%) - QL2

KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:00:58 03/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:03:58 03/12/2024

: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

phổi

ẾT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
	0.8	%		
XN MIỄN DỊCH				
BNP (NT-proBNP) [Máu] M3	8234	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

chỉ

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: BHYT (100%) - QL2

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:00:58 03/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:03:58 03/12/2024

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: viêm phổi

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
4. Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
TCK	69.2	giây	25 - 45	
5. Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động (M1)	186	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 12/05/1938

Giới tính: Nam

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: BHYT (100%) - QL2

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: viêm phổi

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:00:58 03/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:03:58 03/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				SymexCN2000.L
WBC	10.29	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU%	73.5	%	50 - 75	
NEU#	7.56	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	19.7	%	20 - 45	
LYM#	2.03	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	3.5	%	0 - 9	
MONO#	0.36		0 - 0.9	
EOS%	2.9	%	0 - 6	
EOS#	0.3		0 - 0.7	
BASO%	0.4	%	0 - 2.5	
BASO#	0.04		0 - 0.2	
RBC	2.61	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	72	g/L	120 - 160	
HCT	22.8	%	35 - 55	
MCV	87.4	fL	80 - 97	
MCH	27.6	pg	26 - 32	
MCHC	316	g/L	320 - 360	
RDW	18.2	%	10 - 15	
PLT	147	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	12.1	fL	5 - 11	
PCT	0.18	%	0 - 9.98	
PDW	14.9		<= 0.5	Cobas6000.2
	3.72	ug/ml		CobasT411.1
2. Định lượng D-Dimer [Máu] M3				
3. Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động M1				
T. Prothrombin	59.2	%	>= 70	
INR	1.57		0.97 - 4.75	
Time Quick	15.6	giây	9.6 - 12.6	

06:52 Ngày 03 tháng 12 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

[Signature]

CN. Hà Văn Duy

Địa chỉ: 48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
 Số điện thoại: 0983010737
 Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
 Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 Người lấy mẫu:
 Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
 Văn đoàn: viêm phổi
 Loại bệnh phẩm: Máu;
 Bác sĩ chỉ định:
 Giờ lấy mẫu: 06:00:58 03/12/2024
 Giờ nhận mẫu: 06:03:58 03/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN
XN HÓA SINH				
Định lượng Ure máu [Máu] M3	14.0	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas
Định lượng Creatinin (máu) M3	168	umol/L	53 - 106	Cobas
Điện giải đồ (Na+, K+, Cl) [Máu] M3				Cobas
Na+	154	mmol/L	135 - 145	
K+	3.64	mmol/L	3.5 - 5.5	
Cl-	116.6	mmol/L	96 - 106	
Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				Cobas
FI O2	0.50			
Na+	156.4	mmol/l	135 - 145	
K+	3.69	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.232	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	116.4	mmol/l	96 - 110	
pH	7.327		7.37 - 7.45	
PCO2	52.5	mmHg	32 - 46	
B (kiềm dư)	0.3	mmol/L	-2 - +3	
B (def)	0.9	mmol/L		
BE	46.6	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	26.8	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	114.5	mmHg	71 - 101	
SO2	98.0	%	90 - 100	
HT	29.4	%	35 - 50	
HT	1022.20	mmHg		
Bun	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
tHb	24.3	mmol/L	21 - 26	
stHCO3	187.1	mmHg	10 - 50	
APO2	37.1	OC		
Nồng độ	95.8	%	<= 10	
HbO2	1.5 (NonReactive)	%		
HbO	1.9	%		
Hb				

06:52 Ngày 03 tháng 12 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

Người kiểm tra: CN. Hà Văn Duy

KẾT QUẢ SIÊU ÂM

- Họ và tên: NGUYỄN HẠ
- Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Số BHYT:
- Nơi chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
- Chẩn đoán: /
- Giới tính: Nam
- Tuổi: 86
- Thời gian thực hiện: 03/12/2024
- Bs chỉ định: Đỗ Thị Ngọc Thủy

Chỉ định: Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực (Siêu âm Doppler màu tim)

MÔ TẢ HÌNH ẢNH:

I: KHẢO SÁT 2D- TM MODE

Vách liên thất: TTR (IVSTd)	8	mm
TT (IVSTs)	14	mm
ĐK thất trái : TTR (LVIDd)	49	mm
TT (LVIDs)	34	mm
Thành sau thất trái: TTR (LVPWd)	8	mm
TT (LVPWs)	14	mm
Phân xuất tổng máu Teichholz (EF)	58	%
Phân xuất co ngắn (FS)	30	%
Động mạch chủ (Ao):	30mm	
Nhĩ trái (LA):	34mm	

II: Doppler:

- Van 2 lá: không hẹp, hở 2.5/4, E/A > 1
- Van ĐMC: không hẹp, hở 2/4
- Van 3 lá: không hẹp, hở 1/4, PaPs = 30mmHg
- Van ĐMP: không hẹp.

III. Nhận xét khác:

- Situs: Solitus. Tương ứng nhĩ thất.
- Vách liên thất và vách liên nhĩ nguyên vẹn.
- Không giảm động vùng.
- Các buồng tim không giãn.
- Ít dịch màng ngoài tim, bề dày vị trí thành bên thất trái # 5mm.
- Không tăng áp phổi.
- Tim co bóp tốt.
- Không thấy huyết khối ở các buồng tim
- TAPSE: 21mm.
- IVC: 13/18mm

KẾT LUẬN:

HỞ VAN 2 LÁ 2.5/4
HỞ VAN ĐỘNG MẠCH CHỦ 2/4. HỞ VAN 3 LÁ 1/4
ÍT DỊCH MÀNG NGOÀI TIM

09:52 Ngày 03 tháng 12 năm 2024
RÁC SĨ CHUYÊN KHOA



All for your health

Ngày
04/12/2024



diễn biến	Y lệnh
Bệnh lơ mơ Thở máy qua khai khí quản Đàm có lẫn máu đỏ tươi, lượng nhiều Phổi thông khí tạm, nghe nhiều rale ẩm rale nổ 2 phế trường Tim đều Ăn qua sonde, có nhu động ruột Bụng giảm chướng Sốt 02 cơn trong ngày M: 96 l/ph HA: 130/80 mmHg DV/DR: 2550/2950 ml	LINE BFS 600mg + Zavicefta 2g/0.5g + Atreonam 2000mg chỉnh liều theo MLCT Caspofungin Acetate 50mg x 1 lọ Panangin (400+452mg) x 2 ống Neoamiu x 2 túi Glucose 5% x 02 chai NaCl 0.45% x 01 chai BFS furosemide 20mg x 2 ống Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống Nexium 42,5mg x 2 lọ Vitamin K 10mg x 2 ống Vincomid 10mg/2ml x 6 ống Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống Meyerapagil x 6 viên Elthon 50mg x 4 viên Amcoda 200mg x 1 viên Enterogermina x 3 ống Truyền plasma tươi Thở máy SIMV:PEEP: 6 , PSV: 18, FiO2: 40%,



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Người nhận: **NGUYỄN HẠ** Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Khoa chỉ định: KHOA HỐI SỨC CẤP CỨU
Giờ lấy mẫu: 08:39:13 04/12/2024
Người lấy mẫu:
Giờ nhận mẫu: 08:42:13 04/12/2024
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
2. Định lượng yếu tố VIII-C (M1)				
VIII%	164.4	%	>= 70	
VIII giây	50.0	giây		

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Người nhận: **NGUYỄN HẠ** Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Khoa chỉ định: KHOA HỐI SỨC CẤP CỨU
Giờ lấy mẫu: 05:52:27 04/12/2024
Người lấy mẫu: CN. Nguyễn Thị Loan Phương
Giờ nhận mẫu: 05:55:27 04/12/2024
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
4. Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				
TCK	48.7	giây	25 - 45	CobasT411_I
5. Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động (M1)				
	175	mg/dl	196 - 428	CobasT411_I

Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
 Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 Người lấy mẫu: CN. Nguyễn Thị Loan Phương
 Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
 Chẩn đoán: .

Loại bệnh phẩm: Máu;
 Bác sĩ chỉ định:
 Giờ lấy mẫu: 05:52:27 04/12/2024
 Giờ nhận mẫu: 05:55:27 04/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000_R				
WBC	9.89	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU%	76.4	%	50 - 75	
NEU#	7.55	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	18.1	%	20 - 45	
LYM#	1.79	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	3	%	0 - 9	
MONO#	0.3		0 - 0.9	
EOS%	2.1	%	0 - 6	
EOS#	0.21		0 - 0.7	
BASO%	0.4	%	0 - 2.5	
BASO#	0.04		0 - 0.2	
RBC	2.47	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	67	g/L	120 - 160	
HCT	21.9	%	35 - 55	
MCV	88.7	fL	80 - 97	
MCH	27.1	pg	26 - 32	
MCHC	306	g/L	320 - 360	
RDW	18.4	%	10 - 15	
PLT	117	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	12.5	fL	5 - 11	
PCT	0.15	%	0 - 9.98	
PDW	18.5			
2. Định lượng D-Dimer [Máu] M3	4.55	ug/ml	<= 0.5	Cobas6000_2
3. Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy				
bản tự động M1				
T. Prothrombin	62.7	%	>= 70	
INR	1.50		0.97 - 4.75	
Time Quick	15.0	giây	9.6 - 12.6	
06:32 Ngày 04 tháng 12 năm 2024				

Người nhận: NGUYỄN HẠ

Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0983010737

Loại bệnh phẩm: BHYT (100%) - QL2

Địa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: .

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 08:39:13 04/12/2024

Giờ nhận mẫu: 08:42:13 04/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁU
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				SysmexXN2000_R
WBC	10.32	$10^9/L$	4 - 10	
NEU%	75.6	%	50 - 75	
NEU#	7.8	$10^9/L$	1.7 - 7.5	
LYM%	18.9	%	20 - 45	
LYM#	1.95	$10^9/L$	0.4 - 4.5	
MONO%	3.1	%	0 - 9	
MONO#	0.32		0 - 0.9	
EOS%	1.9	%	0 - 6	
EOS#	0.2		0 - 0.7	
BASO%	0.5	%	0 - 2.5	
BASO#	0.05		0 - 0.2	
RBC	2.55	$10^{12}/L$	4 - 5	
HGB	71	g/L	120 - 160	
HCT	22.9	%	35 - 55	
MCV	89.8	fL	80 - 97	
MCH	27.8	pg	26 - 32	
MCHC	310	g/L	320 - 360	
RDW	18.6	%	10 - 15	
PLT	113	$10^9/L$	150 - 450	
MPV	12	fL	5 - 11	
PCT	0.14	%	0 - 9.98	
PDW	17.5			

Chẩn đoán: .

Giờ lấy mẫu: 05:52:27 04/12/2024

Giờ nhận mẫu: 05:55:27 04/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Urê máu [Máu] M3				
2. Định lượng Creatinin (máu) M3	15.2	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_2
3. Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu] M3	148	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
4. Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu] M3	21.9	U/L	<= 37	Cobas6000_2
5. Định lượng Albumin [Máu] M3	14.6	U/L	<= 41	Cobas6000_2
6. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)	24.6	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
FIO2				CobasB221_1
Na+	0.40			
K+	158.1	mmol/l	135 - 145	
Ca2+	3.73	mmol/l	3.5 - 5	
Cl-	1.218	mmol/l	1.12 - 1.3	
pH	116.7	mmol/l	96 - 110	
PCO2	7.351		7.37 - 7.45	
BE (kiềm dư)	54.6	mmHg	32 - 46	
BE cef	3.7	mmol/L	-2 - +3	
BB	3.8	mmol/L		
HCO3 (chuẩn)	47.3	mmol/L	45	
PO2 (động mạch)	29.2	mmol/L	21 - 26	
SO2	110.5	mmHg	71 - 101	
HCT	98.1	%	90 - 100	
Baro	13.0	%	35 - 50	
tHB	1023.32	mmHg		
stHCO3	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
AaDO2	27.2	mmol/L	21 - 26	
Nhiệt độ	110.2	mmHg	10 - 50	
HbO2	37.9	OC		
HbCO	95.6	%		
HHb	2.0 (NonReactive)	%	<= 10	
MetHb	1.9	%		
	0.5	%		

06:32 Ngày 04 tháng 12 năm 2024

chealthcare.com

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu: CN. Nguyễn Thị Loan Phương
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:52:27 04/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:55:27 04/12/2024



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
7. Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu] (M3)	1.6	mmol/L	Máu TM: 0.5 - 2.2 mmol/L; Máu ĐM: 0.4 - 0.8 mmol/L	Cobas6000_2
<u>XN MIỄN DỊCH</u>				
1. Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	0.997	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2

Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 08:39:13 04/12/2024
Giờ nhận mẫu: 08:42:13 04/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
<u>XN MIỄN DỊCH</u>				
1. Định lượng Troponin T-hs [Máu]. M3	0.040	ng/ml	0 - 0.014	Cobas6000_1



All for your health

KẾT QUẢ X-QUANG

Họ và tên: NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 1938

Giới tính: Nam

Chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Bác sĩ chỉ định: Đỗ Thị Ngọc Thủy

Ngày chỉ định: 10 giờ 56 ngày 04/12/2024

Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Số bệnh án:

Chẩn đoán:

Yêu cầu chiếu/chụp: Chụp Xquang tại giường

MÔ TẢ HÌNH ẢNH

- Mờ lan tỏa hai phổi
- Không thấy khí hay dịch màng phổi 2 bên.
- Không thấy bất thường trung thất, thành ngực.
- Bóng tim không lớn.

KẾT LUẬN

-Mờ lan tỏa hai phổi

11:08:19 Ngày 4 tháng 12 năm 2024

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

BS. Ngô Văn Hoa



All for your health

Ngày

05/12/2024



Diễn biến

Y lệnh

Bệnh gọi hỏi biết
Thở máy qua khai khí quản
Đàm còn lẫn máu đỏ tươi, lượng nhiều
Phổi thông khí tạm, nghe nhiều rale ẩm
rale nổ 2 phế trường
Tim đều
Ăn qua sonde. Có tồn lưu . Bụng chướng
M: 96 l/ph
HA: 130/80 mmHg
DV/DR: 2780/3080 ml

LINE BFS 600mg + Zavicefta 2g/0.5g +
Atreonam 2000mg
Caspofungin Acetate 50mg x 1 lọ
Panangin (400+452mg) x 2 ống
Neoamiu x 2 túi
Glucose 5% x 02 chai
BFS furosemide 20mg x 2 ống
Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống
Nexium 42,5mg x 2 lọ
Vitamin K 10mg x 2 ống
Vincomid 10mg/2ml x 6 ống
Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống
Meyerapagil x 6 viên
Elthon 50mg x 4 viên
Amcoda 200mg x 1 viên
Albumin x 01 lọ
Enterogermina x 3 ống
Truyền plasma tươi
Fleet enema x 1 chai bơm hậu môn
Thở máy SIMV/VC :PEEP: 5 , PSV: 18, FiO2:

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:21:16 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:24:16 05/12/2024

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:21:16 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:24:16 05/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Xét phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000_L				
WBC				
NEU%	8.71	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU#	79.3	%	50 - 75	
LYM%	6.91	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM#	13.9	%	20 - 45	
MONO%	1.21	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO#	4.4	%	0 - 9	
EOS%	0.38		0 - 0.9	
EOS#	1.8	%	0 - 6	
BASO%	0.16		0 - 0.7	
BASO#	0.6	%	0 - 2.5	
	0.05		0 - 0.2	
RBC	2.53	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	69	g/L	120 - 160	
HCT	22.6	%	35 - 55	
MCV	89.3	fL	80 - 97	
MCH	27.3	pg	26 - 32	
MCHC	305	g/L	320 - 360	
RDW	18.1	%	10 - 15	
PLT	118	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	13	fL	5 - 11	
PCT	0.15	%	0 - 9.98	
PDW	15.3			
	0.84	ug/ml	<= 0.5	Cobas6000_2
Định lượng D-Dimer [Máu] M3				
CobasT411_1				
Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy				
Tự động M1				
	56.4	%	>= 70	
T. Prothrombin	1.63		0.97 - 4.75	
INR	16.1	giây	9.6 - 12.6	
Time Quick				

07:01 Ngày 05 tháng 12 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

tmmchealthcare.com

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM



Họ tên: NGUYỄN HẠ
 Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
 Địa chỉ: k.48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 Điện thoại: 0983010737
 Đơn vị: BHYT (100%) - QL2
 Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 Thời lấy mẫu:
 Thời nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
 Chẩn đoán: .

Loại bệnh phẩm: Máu;
 Bác sĩ chỉ định:
 Giờ lấy mẫu: 11:49:39 05/12/2024
 Giờ nhận mẫu: 11:52:39 05/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Công phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				SysmexXN2000_R
WBC	9.6	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU%	68.5	%	50 - 75	
NEU#	6.58	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	25.3	%	20 - 45	
LYM#	2.43	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	4.2	%	0 - 9	
MONO#	0.4		0 - 0.9	
EOS%	1.5	%	0 - 6	
EOS#	0.14		0 - 0.7	
BASO%	0.5	%	0 - 2.5	
BASO#	0.05		0 - 0.2	
RBC	2.53	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	71	g/L	120 - 160	
HCT	22.6	%	35 - 55	
MCV	89.3	fL	80 - 97	
MCH	28.1	pg	26 - 32	
MCHC	314	g/L	320 - 360	
RDW	18.3	%	10 - 15	
PLT	114	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	12.8	fL	5 - 11	
PCT	0.15	%	0 - 9.98	
PDW	16.8			

LẤY

2000_R



All for your health

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:21:16 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:24:16 05/12/2024

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:21:16 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:24:16 05/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
TCK	58.4	giây	25 - 45	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I) bằng phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, máy bán tự động (M1)	177	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 18:04:26 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 18:07:26 05/12/2024

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 18:04:26 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 18:07:26 05/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
Định lượng Cortisol (máu). M3	241.0 (18H30)	nmol/l	(7h-10h:171-536; 16h-20h:64-327)	Cotac6000_2

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Nhân đoàn: ,

Giờ lấy mẫu: 06:21:16 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:24:16 05/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Urê máu [Máu] M3	15.6	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_2
2. Định lượng Creatinin (máu) M3	139	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
3. Định lượng Albumin [Máu] M3	25.7	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
4. Điện giải đồ (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻) [Máu] M3				Cobas6000_2
Na ⁺	155	mmol/L	135 - 145	
K ⁺	3.79	mmol/L	3.5 - 5.5	
Cl ⁻	116.2	mmol/L	96 - 106	
5. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.40			
Na ⁺	159.0	mmol/l	135 - 145	
K ⁺	3.82	mmol/l	3.5 - 5	
Ca ²⁺	1.264	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl ⁻	116.7	mmol/l	96 - 110	
pH	7.348		7.37 - 7.45	
PCO2	60.3	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	6.0	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	6.7	mmol/L		
BB	50.6	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	32.0	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	116.6	mmHg	71 - 101	
SO2	98.4	%	90 - 100	
HCT	18.7	%	35 - 50	
Baro	1023.51	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	29.1	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	95.5	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	38.2	°C		
HbO2	95.6	%	<= 10	
HbCO	2.1 (NonReactive)	%		

07:01 Ngày 05 tháng 12 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

nchealthcare.com

Giờ nhận mẫu: 11:00:15 05/12/2024



All for your health

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN NƯỚC TIÊU				
1. Điện giải (Na, K, Cl) (niệu)				Cobas6000_2
Na+	53	mmol/L	120 - 130	
K+	37.63	mmol/L	35 - 120	
Cl-	46.9	mmol/L	120 - 140	

Chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: viêm phổi

Loại bệnh phẩm: máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 10:07:32 05/12/2024
Giờ nhận mẫu: 10:10:32 05/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				Cobas8221_1
FIO2	0.40			
Na+	158.8	mmol/l	135 - 145	
K+	3.86	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.220	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	116.6	mmol/l	96 - 110	
pH	7.448		7.37 - 7.45	
PCO2	45.3	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	6.0	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	6.6	mmol/L		
BB	50.4	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	30.4	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	119.4	mmHg	71 - 101	
SO2	98.9	%	90 - 100	
HCT	16.2	%	35 - 50	
Baro	1025.08	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	29.4	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	113.6	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.7	°C		
HbO2	96.1	%	<= 10	
HbCO	1.9 (NonReactive)	%		
HHb	1.4	%		
MetHb	0.6	%		

KẾT QUẢ X-QUANG

Họ và tên: NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 1999

Giới tính: Nam

Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Bác sĩ chỉ định: Nguyễn Đại Tâm

Ngày chỉ định: 16 giờ 14 ngày 05/12/2024

Nơi chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Số bệnh án:

Chẩn đoán: viêm phổi

Yêu cầu chiếu/chụp:

MÔ TẢ HÌNH ẢNH

Mờ lan tỏa hai trường phổi.

Không thấy tràn dịch, tràn khí màng phổi hai bên.

Bóng tim không lớn

KẾT LUẬN

Mờ lan tỏa hai trường phổi.

19:30:41 Ngày 5 tháng 12 năm 2024

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA



Ths.BS Ngô Minh Quỳnh Phương



All for your health



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ**
 Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
 Số điện thoại: 0983010737
 Đối tượng: BHYT (100%) - QL2
 Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 Người lấy mẫu:
 Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
 Chẩn đoán: c

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
 Loại bệnh phẩm: Dịch; Khác;
 Bác sĩ chỉ định:
 Giờ lấy mẫu: 06:28:57 05/12/2024
 Giờ nhận mẫu: 06:31:57 05/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
<u>XN VI SINH</u>				
1. Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường - (CÂY TÌM NẤM)	ÂM TÍNH	Lần		
1. Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường - (CÂY TÌM NẤM)				
Bệnh phẩm	MÁU (ĐỘNG MẠCH BÊN PHẢI)			
2. Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường - (CÂY TÌM NẤM)	ÂM TÍNH	Lần		
2. Vi nấm nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường - (CÂY TÌM NẤM)				
Bệnh phẩm	MÁU (ĐỘNG MẠCH BÊN TRÁI)			

KẾT QUẢ SIÊU ÂM

- Họ và tên: NGUYỄN HẠ

- Giới tính: Nam

Tuổi: 86

- Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

- Ngày thực hiện

05/12/2024

- Số BHYT:

- Nơi chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Chẩn đoán:

Chỉ định: Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực (S)

MÔ TẢ HÌNH ẢNH:

I: KHẢO SÁT 2D- TM MODE

Vách liên thất: TTR (IVSTd)	8	mm
ĐK trái: TTR (LVIDd)	45	mm
TT (LV Ds)	28	mm
Thành sau thất trái: TTR (LVPWd)	8	mm
TT (LVPWs)	14	mm
Phân xuất tổng máu Teichholz (EF)	60	%
Phân xuất co ngắn (FS)	30	%
Động mạch chủ (Ao): 30 mm		
Nhĩ trái (LA): 35mm		

II: Doppler

- Van 2 lá: không hẹp, hở 2.5/4, E/A > 1
- Van ĐMC: không hẹp, hở 2/4
- Van 3 lá: không hẹp, hở 1/4, $1 = 27\text{mmHg}$
- Van ĐMP: không hẹp.

III. Nhận xét khác:

- Situs: Solitus. Tương ứng nhĩ thất.
- Vách liên thất và vách liên nhĩ nguyên vẹn.
- Các van tim mềm mại.
- Không giảm động vùng.
- Các buồng tim không dẫn.
- Ít dịch màng ngoài tim, bề dày vị trí thành bên thất
- Không tăng áp phổi.
- Tim co bóp tốt.
- Không thấy huyết khối ở các buồng tim
- TAPSE: 20mm. IVC : 14/21mm

KẾT LUẬN:

HỞ VAN 2 LÁ 2.5/4. HỞ VAN 3 LÁ 1/4
HỞ VAN ĐỘNG MẠCH CHỦ 2/4
ÍT DỊCH MÀNG NGOÀI TIM



All for your health

KẾT QUẢ SIÊU ÂM

Họ và tên: NGUYỄN HẠ

- Giới tính: Nam

Tuổi: 86

Địa chỉ: k48/11 Lê Duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị BHYT:

- Thời gian thực hiện 05/12/2021

Nơi chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

- Bs chỉ định: Đỗ Thị Ngọc Thủy

Chẩn đoán:

Chỉ định: Siêu âm màng phổi

MÔ TẢ HÌNH ẢNH:

Tràn dịch màng phổi 2 bên lượng vừa, xẹp phổi thu động, ước lượng bên phải #500ml, bên trái # 600ml. Dịch trong âm. Không thấy khối bất thường mô mềm thành ngực và màng phổi.

KẾT LUẬN:

TRÀN DỊCH MÀNG PHỔI 2 BÊN LƯỢNG VỪA: DỊCH TRONG ÂM.

09:24 Ngày 05 tháng 12 năm 2021

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA

BS. CKI Hà Thị Bích Huyền



for your health

Ngày

06/12/2024



diễn biến	Y lệnh
Bệnh gọi hỏi biết Thở máy qua khai khí quản Đàm vàng, lượng ít Phổi thông khí tạm, nghe giảm thông khí 2 đáy phổi Tim đều Ăn qua sonde, Bụng giảm chướng M: 68 l/ph HA: 110/80 mmHg DV/DR: 1860/1800 ml	Caspofungin Acetate 50mg x 1 lọ Panangin (400+452mg) x 2 ống Neoamiu x 2 túi Glucose 5% x 02 chai NaCl 0.45% x 01 chai BFS furosemide 20mg x 2 ống Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống Nexium 42,5mg x 2 lọ Vitamin K 10mg x 2 ống Vincomid 10mg/2ml x 6 ống Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống Meyerapagil x 6 viên Elthon 50mg x 4 viên Amcoda 200mg x 1 viên Enterogermina x 3 ống Albumin x 01 lọ Thở máy SIMV/VC :PEEP: 5 , PSV: 16, FiO2: 40%, I:E: 1:2, Rate 12 Hồng cầu khối 250ml x 1 đơn vị Plasma x 2 đơn vị

Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: VIÊM PHỔI

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				
TCK	53.9	giây	25 - 45	CobasT411_1
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I) bằng phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động (M1)	180	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1

Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: VIÊM PHỔI

Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Chỉ số lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	42.79	mL/phút/1.73m ²	>= 60	
<u>XN MIỄN DỊCH</u>				
Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	0.653	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	2640	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Giờ lấy mẫu: 01:14:13 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 01:17:13 06/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
<u>XN MIỄN DỊCH</u>				
1. Định lượng Cortisol (máu). M3	1270 (1H)	nmol/l	(7h-10h:171-536; 16h-20h:64-327)	Cobas6000_2

Đặc si chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024

Đặc si chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM

KẾT QUẢ

ĐƠN VỊ

TRỊ SỐ THAM CHIẾU

TÊN MÁY

XN HUYẾT HỌC

Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)

SysmexXN2000_L

WBC

5.53

$10^9/L$

4 - 10

NEU%

75.3

%

50 - 75

NEU#

4.17

$10^9/L$

1.7 - 7.5

LYM%

21.2

%

20 - 45

LYM#

1.17

$10^9/L$

0.4 - 4.5

MONO%

3.3

%

0 - 9

MONO#

0.18

0 - 0.9

EOS%

0

%

0 - 6

EOS#

0

0 - 0.7

BASO%

0.2

%

0 - 2.5

BASO#

0.01

0 - 0.2

RBC

2.13

$10^{12}/L$

4 - 5

HGB

60

g/L

120 - 160

HCT

18.8

%

35 - 55

MCV

88.3

fL

80 - 97

MCH

28.2

pg

26 - 32

MCHC

319

g/L

320 - 360

RDW

17.8

%

10 - 15

PLT

84

$10^9/L$

150 - 450

MPV

12.8

fL

5 - 11

PCT

0.11

%

0 - 9.98

PDW

18.7

ug/ml

≤ 0.5

Cobas6000_2

2. Định lượng D-Dimer [Máu] M3

3. Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy

CobasT411_1

bán tự động M1

57.5

%

≥ 70

T. Prothrombin

1.61

0.97 - 4.75

INR

15.9

giây

9.6 - 12.6

Time Quick

06:21 Ngày 06 tháng 12 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

tmmhealthcare.com

Người lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: VIÊM PHỔI

Đặc số chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Creatinin (máu) M3	137	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
2. Định lượng Albumin [Máu] M3	27.2	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
3. Điện giải đồ (Na+, K+, Cl) [Máu] M3				Cobas6000_2
Na+	157	mmol/L	135 - 145	
K+	4.28	mmol/L	3.5 - 5.5	
Cl-	118.1	mmol/L	96 - 106	
4. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.40			
Na+	157.6	mmol/l	135 - 145	
K+	4.33	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.222	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	116.3	mmol/l	96 - 110	
pH	7.415		7.37 - 7.45	
PCO2	51.1	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	6.1	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	7.5	mmol/L		
BB	54.1	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	32.0	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	134.2	mmHg	71 - 101	
SO2	99.1	%	90 - 100	
Baro	1022.79	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	29.2	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	96.9	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.0	°C		
HbO2	97.0	%	<= 10	
HbCO	1.7 (NonReactive)	%		
HHb	1.2	%		
MetHb	0.1	%		

06:21 Ngày 06 tháng 12 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm



PHÒNG XÉT NGHIỆM
ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÁU TRINH

09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: xetnghiem@pctu.edu.vn

CODE: EY115A

NNM: 27/11/2024

GNM: 20h

Giờ in: 6/12/2024 8:32:29 AM

Tình trạng mẫu: Đạt

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ**

Năm sinh: 86

Giới tính: Nam

SĐT: 0983010737

Địa chỉ: Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng

Khoa: KHOA HỒI SỨC CẤP
CỨU

Chẩn đoán:

Mã BN: 24045676-2161

Bác sĩ chỉ định: BS.Đỗ Thị Ngọc Thuỷ

Bệnh phẩm: Máu(tay trái)

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn	Không phát hiện vi khuẩn gây bệnh sau 7 ngày nuôi cấy.

Ghi chú: Tìm thấy nấm Candida spp trong bệnh phẩm sau 4 ngày nuôi cấy.



All for your health



PHÒNG XÉT NGHIỆM
ĐẠI HỌC Y KHOA PHAN CHÁU TRINH

09 Nguyễn Gia Thiều, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam
Điện thoại: 0777.571.623 - Email: xetnghiem@pctu.edu.vn

CODE: EY115A

NNM: 27/11/2024

GNM: 20h

Giờ in: 6/12/2024 8:32:29 AM

Tình trạng mẫu: Đạt

Họ và tên: **NGUYỄN HẠ**

Năm sinh: 86

Giới tính: Nam

SĐT: 0983010737

Địa chỉ: Hải Châu 1, Hải Châu, Đà Nẵng

Khoa: KHOA HỒI SỨC CẤP
CỨU

Chẩn đoán:

Mã BN: 24045676-2161

Bác sĩ chỉ định: BS.Đỗ Thị Ngọc Thuỷ

Bệnh phẩm: Máu(tay trái)

KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ
Nuôi cấy và định danh vi khuẩn	Không phát hiện vi khuẩn gây bệnh sau 7 ngày nuôi cấy.

Ghi chú: Tìm thấy nấm Candida spp trong bệnh phẩm sau 4 ngày nuôi cấy.



All for your health

Địa chỉ: Trung tâm Y tế Quận Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: BHYT (100%) - QL2

Khoa chỉ định: KHOA HÔI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: viêm phổi

Loại bệnh phẩm: Nước tiểu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:40:32 06/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:43:32 06/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁU
<u>XN NƯỚC TIỂU</u>				
1. Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)				CobasU411_1
SG	1.015		1.015 - 1.025	
pH	5		4.8 - 7.4	
LEU	100		Negative	
NIT	neg		Negative	
PRO	150	mg/dL	Negative	
GLU	norm	mg/dL	Negative	
KET	neg	mg/dL	Negative	
URO	norm	E.U/dL	<= 0.2	
BIL	neg		Negative	
ERY	250		Negative	

Ngày 07/12/2024



diễn biến	Y lệnh
Bệnh tình, khí sắc tốt hơn Thở máy qua khai khí quản Đàm vàng, lượng ít Phổi thông khí tạm, nghe giảm thông khí 2 đáy phổi Tim đều Ăn qua sonde, Bụng giảm chướng Có ít mảng xuất huyết vùng cánh tay M: 58 l/ph HA: 110/70 mmHg DV/DR: 2660/2300 ml	Caspofungin Acetate 50mg x 1 lọ Panangin (400+452mg) x 2 ống Neoamiu x 2 túi Glucose 5% x 02 chai NaCl 0.45% x 01 chai BFS furosemide 20mg x 2 ống Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống Nexium 42,5mg x 2 lọ Vitamin K 10mg x 2 ống Vincomid 10mg/2ml x 6 ống Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống Meyerapagil x 6 viên Elthon 50mg x 4 viên Amcoda 200mg x 1 viên Enterogermina x 3 ống Thở máy SIMV/VC :PEEP: 5 , PSV: 16, FiO2: 40%, I:E: 1:2, Rate 12 Hồng cầu khối 250ml x 1 đơn vị Plasma x 1 đơn vị



All for your health

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: .

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 05:57:22 07/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:00:22 07/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
<u>XN HUYẾT HỌC</u>				
4. Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
TCK	44.4	giây	25 - 45	

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: .

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 05:57:22 07/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:00:22 07/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
<u>XN HUYẾT HỌC</u>				
. Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy bán tự động M1				CobasT411_1
T. Prothrombin	73.4	%	≥ 70	
INR	1.32		0.97 - 4.75	
Time Quick	13.5	giây	9.6 - 12.6	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động (M1)	251	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:57:22 07/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:00:22 07/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000_L				
WBC	6.77	$10^9/L$	4 - 10	
NEU%	73.7	%	50 - 75	
NEU#	4.99	$10^9/L$	1.7 - 7.5	
LYM%	21.3	%	20 - 45	
LYM#	1.44	$10^9/L$	0.4 - 4.5	
MONO%	4.9	%	0 - 9	
MONO#	0.33		0 - 0.9	
EOS%	0	%	0 - 6	
EOS#	0		0 - 0.7	
BASO%	0.1	%	0 - 2.5	
BASO#	0.01		0 - 0.2	
RBC	2.51	$10^{12}/L$	4 - 5	
HGB	70	g/L	120 - 160	
HCT	23.1	%	35 - 55	
MCV	92	fL	80 - 97	
MCH	27.9	pg	26 - 32	
MCHC	303	g/L	320 - 360	
MCHC	17.6	%	10 - 15	
RDW	94	$10^9/L$	150 - 450	
PLT	13	fL	5 - 11	
MPV	0.12	%	0 - 9.98	
PCT	19.9			
PDW	0.77	ug/ml	≤ 0.5	Cobas6000_2
2. Định lượng D-Dimer [Máu] M3				

Người lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: .

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:57:22 07/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:00:22 07/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
Định lượng Urê máu [Máu] M3	21.6	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_2
Định lượng Creatinin (máu) M3	129	umol/L	53 - 106	Cobas6000_2
Định lượng Albumin [Máu] M3	28.2	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.30			
Na+	159.1	mmol/l	135 - 145	
K+	3.79	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.262	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	116.5	mmol/l	96 - 110	
pH	7.432		7.37 - 7.45	
PCO2	45.7	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	5.0	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	5.6	mmol/L		
BB	49.8	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	29.9	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	91.3	mmHg	71 - 101	
SO2	97.4	%	90 - 100	
HCT	19.5	%	35 - 50	
Baro	1023.85	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	28.5	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	74.4	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	36.8	OC		
HbO2	95.6	%		
HbCO	1.6 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	2.5	%		
MetHb	0.4	%		
Độ lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	45.86	mL/phút/1.73m ²	>= 60	

06:55 Ngày 07 tháng 12 năm 2024

tmmhealthcare.com

Ngày 07/12/2024 (23h)

- Bệnh nhân khó thở . Đàm tăng tiết nhiều . Phổi nghe rải rác ran ẩm, giảm thông khí vùng đáy .
- Bệnh nhân có tình trạng trào ngược khoảng 100ml dịch vàng chanh ra đường miệng và khai khí quản . Kiểm tra sonde dạ dày qua da tồn lưu 150 ml . Hút bỏ dịch. Hút đàm . Kiểm tra Cuff.
- M: 95l/ph . SpO2: 92%. HA: 140/90 mmHg

Ngày 08/12/2024 (2h)



All for your health

diễn biến	Y lệnh
Bệnh tình thở nhanh Co kéo hô hấp phụ Đờm qua khai khí quản tăng tiết nhiều . Hút đờm sâu đc khoảng 100ml đờm trắng đục Phổi nghe nhiều ran ứ đọng , ran ẩm rải rác 2 bên. HA: 192/86 mmHg SpO2 ~92%	BFS furosemide 20mg x 01 ống Nitroglycerin inj 5mg/5ml x 2 ống. Hòa đủ 50ml dd NaCl 0.9%. SE: 5ml/h . Chỉnh liều theo huyết áp Sau hút đờm lâm sàng bệnh nhân cải thiện , giảm khó thở

Ngày 08/12/2024 (3h)

- Bệnh nhân sốt 38.5
- Hạ sốt

Ngày 08/12/2024 (7h45')



health

diễn biến	Y lệnh
Bệnh tình Thở máy qua khai khí quản Đàm tăng tiết Phổi thông khí tạm, nghe giảm thông khí 2 đáy phổi, nghe rải rác rale ẩm Tim đều Ăn qua sonde. Chưa thấy tồn lưu . Không trào ngược M: 75 l/ph HA: 110/70 mmHg DV/DR: 1470/2890 ml	Cancidas ijs 50mg x 1 lọ Panangin (400+452mg) x 2 ống Neoamiyu x 2 túi Glucose 5% 500ml x 01 chai Flexbumin 20% 10g/50ml x 1 hộp BFS furosemide x 2 ống Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống Nexium 42,5mg x 2 lọ Vitamin K 10mg x 2 ống Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống Meyerapagil x 6 viên Elthon 50mg x 4 viên Amcoda 200mg x 1 viên Enterogermina x 3 ống Kavasdin 5mg x 1 viên Hydrochlothiazide 25mg x 1 viên Metochlopramide 10mg x 6 ống Thở máy SIMV/VC :PEEP: 6 , PSV: 18, FiO2: 45%, Ti: 1.2 . Rate 12

- Theo dõi trong ngày 8/12, bệnh nhân sốt cao liên tục 5 cơn trong ngày, có từng cơn rét run.

Trình lấy mẫu:
Trình nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Chẩn đoán: d

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:54:15 08/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:57:15 08/12/2024



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000_R				
WBC	10.35	10^9/L	4 - 10	
NEU%	80.4	%	50 - 75	
NEU#	8.32	10^9/L	1.7 - 7.5	
LYM%	12.9	%	20 - 45	
LYM#	1.34	10^9/L	0.4 - 4.5	
MONO%	6	%	0 - 9	
MONO#	0.62		0 - 0.9	
EOS%	0.3	%	0 - 6	
EOS#	0.03		0 - 0.7	
BASO%	0.4	%	0 - 2.5	
BASO#	0.04		0 - 0.2	
RBC	3.11	10^12/L	4 - 5	
HGB	87	g/L	120 - 160	
HCT	28.3	%	35 - 55	
MCV	91	fL	80 - 97	
MCH	28	pg	26 - 32	
MCHC	307	g/L	320 - 360	
RDW	16.9	%	10 - 15	
PLT	126	10^9/L	150 - 450	
MPV	12.7	fL	5 - 11	
PCT	0.16	%	0 - 9.98	
PDW	17.7			
Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy				
CobasT411_I				
Tự động M1				
T. Prothrombin	67.3	%	>= 70	
INR	1.41		0.97 - 4.75	
Time Quick	14.3	giây	9.6 - 12.6	

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: d

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:54:15 08/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:57:15 08/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
3. Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên khác: TCK) bằng máy bán tự động.M1				CobasT411_1
TCK	42.9	giây	25 - 45	
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động (M1)	227	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1

Khoa chỉ định: KHOA NỘI SẪU CHÁI CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: d

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:54:15 08/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:57:15 08/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
1. Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	0.493	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2

Giờ lấy mẫu: 06:54:15 08/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:57:15 08/12/2024

Giờ lấy mẫu: 06:54:15 08/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:57:15 08/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
Định lượng Urê máu [Máu] M3	22.9	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_1
Định lượng Creatinin (máu) M3	147	umol/L	53 - 106	Cobas6000_1
Định lượng Albumin [Máu] M3	31.8	g/L	38 - 51	Cobas6000_2
Kết nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_1
FIO2	0.48			
Na+	163.0	mmol/l	135 - 145	
K+	3.44	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.250	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	117.0	mmol/l	96 - 110	
pH	7.430		7.37 - 7.45	
PCO2	51.4	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	8.1	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	9.0	mmol/L		
BB	53.4	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	32.9	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	91.7	mmHg	71 - 101	
SO2	97.7	%	90 - 100	
HCT	22.5	%	35 - 50	
Baro	1026.78	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	31.1	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	186.4	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	38.7	°C		
HbO2	95.6	%	<= 10	
HbCO	1.4 (NonReactive)	%		
HHb	2.4	%		
MetHb	0.6	%	>= 60	
Độ lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	39.45	mL/phút/1.73m ²		

XN MIỄN DỊCH

07:35 Ngày 08 tháng 12 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

nchealthcare.com

- Số BHYT:

- Nơi chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Chẩn đoán: nhiễm nầm huyết/ viêm phổi

Chỉ định: Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)

MÔ TẢ HÌNH ẢNH:

- **GAN:** Không lớn, bờ đều, nhu mô gan có nang kt # 15mm.
Tưới máu trong giới hạn bình thường.

- **MẬT:** Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.

Túi mật thành không dày, không sỏi.

- **TỤY:** Không lớn, đồng nhất, tưới máu trong giới hạn bình thường.

- **LÁCH:** Không lớn, đồng nhất, tưới máu trong giới hạn bình thường.

- **THẬN PHẢI:** Không ứ nước, không sỏi, tưới máu trong giới hạn bình thường. Có nang kt # 24mm

- **THẬN TRÁI:** Không ứ nước, không sỏi, tưới máu trong giới hạn bình thường. Có nang kt # 53mm

- **BÀNG QUANG:** Thành không dày, không sỏi.

- **TIỀN LIỆT TUYẾN:** Không lớn, bờ đều, đồng nhất.

- **KHÁC:** Các quai ruột không dẫn. Ruột thừa khó khảo sát.

Dịch tự do ổ bụng (++)

KẾT LUẬN:

NANG GAN, NANG THẬN HAI BÊN

DỊCH TỰ DO Ổ BỤNG (++)

09:55 Ngày 08 tháng 12 năm 2024
BÁC SĨ CHUYÊN KHOA



All for your health

Ngày 09/12/2024



surthecolth

diễn biến	Y lệnh
Bệnh tình táo, khí sắc tốt Hết sốt Phối hợp tập VLTL Thở máy qua khai khí quản Đàm tăng tiết Phổi thông khí tạm, nghe giảm thông khí 2 đáy phổi, nghe rải rác rale ẩm Tim đều Ăn qua sonde, Bụng giảm chướng M: 58 l/ph HA: 110/70 mmHg DV/DR: 2080/2590 ml	LINE BFS 600mg + Zavicefta 2g/0.5g + Atreonam 2000mg Caspofungin Acetate 50mg x 1 lọ Panangin (400+452mg) x 2 ống Neoamiyu x 2 túi Glucose 5% 500ml x 02 chai NaCl 0.45% x 01 chai BFS furosemide x 2 ống Vitamin B1 100mg/2ml x 2 ống Nexium 42,5mg x 2 lọ Vinphyton 10mg x 2 ống Postassium chlorid 10%/10ml x 3 ống Meyerapagil x 6 viên Elthon 50mg x 4 viên Amcoda 200mg x 1 viên Enterogermina x 3 ống Hydrochlothiazide 25mg x 1 viên Metochlopramide 10mg x 6 ống Thở máy SIMV/VC :PEEP: 6 , PSV: 18, FiO2: 45%, Ti: 1.2 . Rate 12

.com

Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Nguyễn Thị Xúng
Chẩn đoán: viêm phổi

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:17:49 09/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:20:49 09/12/2024



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HUYẾT HỌC				
1. Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser) (M4)				
SysmexXN2000-E				
WBC	11.38	10 ⁹ /L	4 - 10	
NEU%	82.7	%	50 - 75	
NEU#	9.41	10 ⁹ /L	1.7 - 7.5	
LYM%	13.8	%	20 - 45	
LYM#	1.57	10 ⁹ /L	0.4 - 4.5	
MONO%	3.4	%	0 - 9	
MONO#	0.39		0 - 0.9	
EOS%	0	%	0 - 6	
EOS#	0		0 - 0.7	
BASO%	0.1	%	0 - 2.5	
BASO#	0.01		0 - 0.2	
RBC	2.65	10 ¹² /L	4 - 5	
HGB	75	g/L	120 - 160	
HCT	24.4	%	35 - 55	
MCV	92.1	fL	80 - 97	
MCH	28.3	pg	26 - 32	
MCHC	307	g/L	320 - 360	
RDW	16.8	%	10 - 15	
PLT	110	10 ⁹ /L	150 - 450	
MPV	13	fL	5 - 11	
PCT	0.14	%	0 - 9.98	
PDW	19.1			
2. Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy				
CobasT411_1				
bán tự động M1	57.5	%	>= 70	
T. Prothrombin	1.61		0.97 - 4.75	
INR	15.9	giây	9.6 - 12.6	
Time Quick				

06:55 Ngày 09 tháng 12 năm 2024
Khoa Xét Nghiệm

CN. Nguyễn Thành Luân

Người lấy mẫu:
Người nhận mẫu: CN. Nguyễn Thị Xứng
Chẩn đoán: viêm phổi

Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 06:17:49 09/12/2024
Giờ nhận mẫu: 06:20:49 09/12/2024



All for your health

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN HÓA SINH				
1. Định lượng Urê máu [Máu] M3	20.3	mmol/L	2.5 - 7.5	Cobas6000_I
2. Định lượng Creatinin (máu) M3	139	umol/L	53 - 106	Cobas6000_I
3. Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu] M3	7.4	umol/L	SS24H:>136;>=1 tháng:17; người lớn:<17.1	Cobas6000_I
4. Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu] M3	3.9	umol/L	<= 4.1	Cobas6000_I
5. Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu] M3	3.5	umol/L	<13	
6. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				CobasB221_I
FIO2	0.45			
Na+	163.1	mmol/l	135 - 145	
K+	3.33	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.267	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	117.6	mmol/l	96 - 110	
pH	7.441		7.37 - 7.45	
PCO2	51.4	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	9.1	mmol/L	-2 - +3	
BE cef	10.0	mmol/L		
BB	54.0	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	34.2	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	109.4	mmHg	71 - 101	
SO2	98.6	%	90 - 100	
HCT	18.4	%	35 - 50	
Baro	1025.53	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	32.0	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	157.9	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	37.1	0C		
HbO2	96.3	%		
HbCO	1.4 (NonReactive)	%	<= 10	

06:55 Ngày 09 tháng 12 năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

tmmchealthcare.com

Bác sĩ chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 Thời lấy mẫu:
 Thời nhận mẫu: CN. Nguyễn Thị Xúng
 Chẩn đoán: viêm phổi

Bác sĩ chỉ định:
 Giờ lấy mẫu: 06:17:49 09/12/2024
 Giờ nhận mẫu: 06:20:49 09/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (Tên				
TCK) bằng máy bán tự động.M1				
TCK	52.2	giây	25 - 45	CobasT411_1
Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu	268	mg/dl	196 - 428	CobasT411_1
phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp,				
máy bán tự động (M1)				

Bác sĩ chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU
 Thời lấy mẫu:
 Thời nhận mẫu: CN. Nguyễn Thị Xúng
 Chẩn đoán: viêm phổi

Bác sĩ chỉ định:
 Giờ lấy mẫu: 06:17:49 09/12/2024
 Giờ nhận mẫu: 06:20:49 09/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
HHb	1.8	%		
MetHb	0.5	%		
Lọc cầu thận eGFR (MDRD-4)	42.08	mL/phút/1.73m ²	>= 60	
XN MIỄN DỊCH				
Định lượng Pro-calcitonin [Giá Định lượng	2.29	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
(CRP hs) M3				

Ngày 10/12

- Chẩn đoán:
- Bệnh chính : Nhiễm khuẩn huyết do nấm candida / Viêm phổi thở máy do vi khuẩn đa kháng (Klebsiella+ Pseudomonas + Acinetobacter baumannii)
- Bệnh kèm: Tăng huyết áp / Tai biến mạch máu não/ Trào ngược dạ dày thực quản/ Dò khí quản- thực quản
- Biến chứng: Suy thận cấp / Suy tim cấp / Rối loạn đông máu / Suy hô hấp mức độ trung bình
- Bệnh nhân chuyển viện vào Bệnh viện tâm Trí Quảng Nam theo yêu cầu người nhà.



All for your health

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: NGUYỄN HẠ

Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam

Địa chỉ: K48/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: 0983010737

Đối tượng: BHYT (100%) - QL2

Khoa chỉ định: KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

Người lấy mẫu:

Người nhận mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân

Chẩn đoán: Viêm phổi do vi khuẩn

Loại bệnh phẩm: Máu;

Bác sĩ chỉ định:

Giờ lấy mẫu: 06:11:02 10/12/2024

Giờ nhận mẫu: 06:14:02 10/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN M
XN HÓA SINH				
1. Xét nghiệm Khí máu [Máu] (M6)				
CobasB				
FIO2	0.45			
Na+	157.2	mmol/l	135 - 145	
K+	3.21	mmol/l	3.5 - 5	
Ca2+	1.233	mmol/l	1.12 - 1.3	
Cl-	113.9	mmol/l	96 - 110	
pH	7.480		7.37 - 7.45	
PCO2	44.2	mmHg	32 - 46	
BE (kiềm dư)	7.9	mmol/L	-2 - + 3	
BE cef	8.7	mmol/L		
BB	52.4	mmol/L	45	
HCO3 (chuẩn)	32.2	mmol/L	21 - 26	
PO2 (động mạch)	118.3	mmHg	71 - 101	
SO2	99.0	%	90 - 100	
HCT	15.1	%	35 - 50	
Baro	1023.27	mmHg		
tHB	15.0	g/dl	11.5 - 17.4	
stHCO3	31.1	mmol/L	21 - 26	
AaDO2	159.3	mmHg	10 - 50	
Nhiệt độ	36.7	0C		
HbO2	96.9	%		
HbCO	1.1 (NonReactive)	%	<= 10	
HHb	1.4	%		
MetHb	0.5	%		

Người kiểm tra: CN. Võ Thị Thu Thảo

06:31 Ngày 10 tháng 12/năm 2024

Khoa Xét Nghiệm

CN. Võ Thị Thu Thảo

Người thực hiện: XN Tế bào học: CN. Đoàn Thị Hồng Khuyến; XN KÝ SINH TRÙNG: CN. Nguyễn Thành Luân;

Tra

MỘT SỐ QUAN ĐIỂM TRONG ĐIỀU TRỊ

- **Dùng SAMSCA :** Công dụng của Thuốc Tolvaptan Samsca Tablet 15mg

Chỉ định

Thuốc Samsca Tablets 15 mg được chỉ định dùng trong các trường hợp sau:

Điều trị giảm Natri máu có tăng thể tích và bình thể tích có ý nghĩa lâm sàng (Natri huyết thanh < 125 mEq/L hoặc giảm Natri máu ít rõ ràng mà có triệu chứng và không đáp ứng với việc điều chỉnh hạn chế dịch), bao gồm các bệnh nhân suy tim, và Hội chứng tiết hóc môn chống bài niệu không thích hợp (SIADH).



All for your health

cisone



trung tâm y học tư
TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64, Cách Mạng Tháng 8, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Số phiếu: 24.0104.071286
Số vào viện: 24.012644
Mã y tế: 24045676



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Bệnh nhân: **NGUYỄN HẠ** Năm Sinh: 1938 Giới tính: Nam
Số bệnh phẩm: Nơi lấy mẫu: Đối tượng:
Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
BS chỉ định XN: Đỗ Thị Ngọc Thùy Giờ nhận mẫu:
Chẩn đoán: viêm phổi Khoa: **KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU**
Yêu cầu xét nghiệm: XN MIỄN DỊCH

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	CSBT	ĐƠN VỊ
XN MIỄN DỊCH			
Định lượng Cortisol (máu). M3	356.4 (8H30)		nmol/l

8:31 Ngày 28 tháng 11 năm 2024

BÁC SĨ XÉT NGHIỆM

U KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Năm Sinh: 1938 Giới tính: Nam
Nơi lấy mẫu: Đối tượng:

Giờ nhận mẫu:

Khoa: **KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU**

Số bệnh phẩm:

Địa chỉ: k48/11 lê duẩn, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BS chỉ định XN: Đỗ Thị Ngọc Thùy

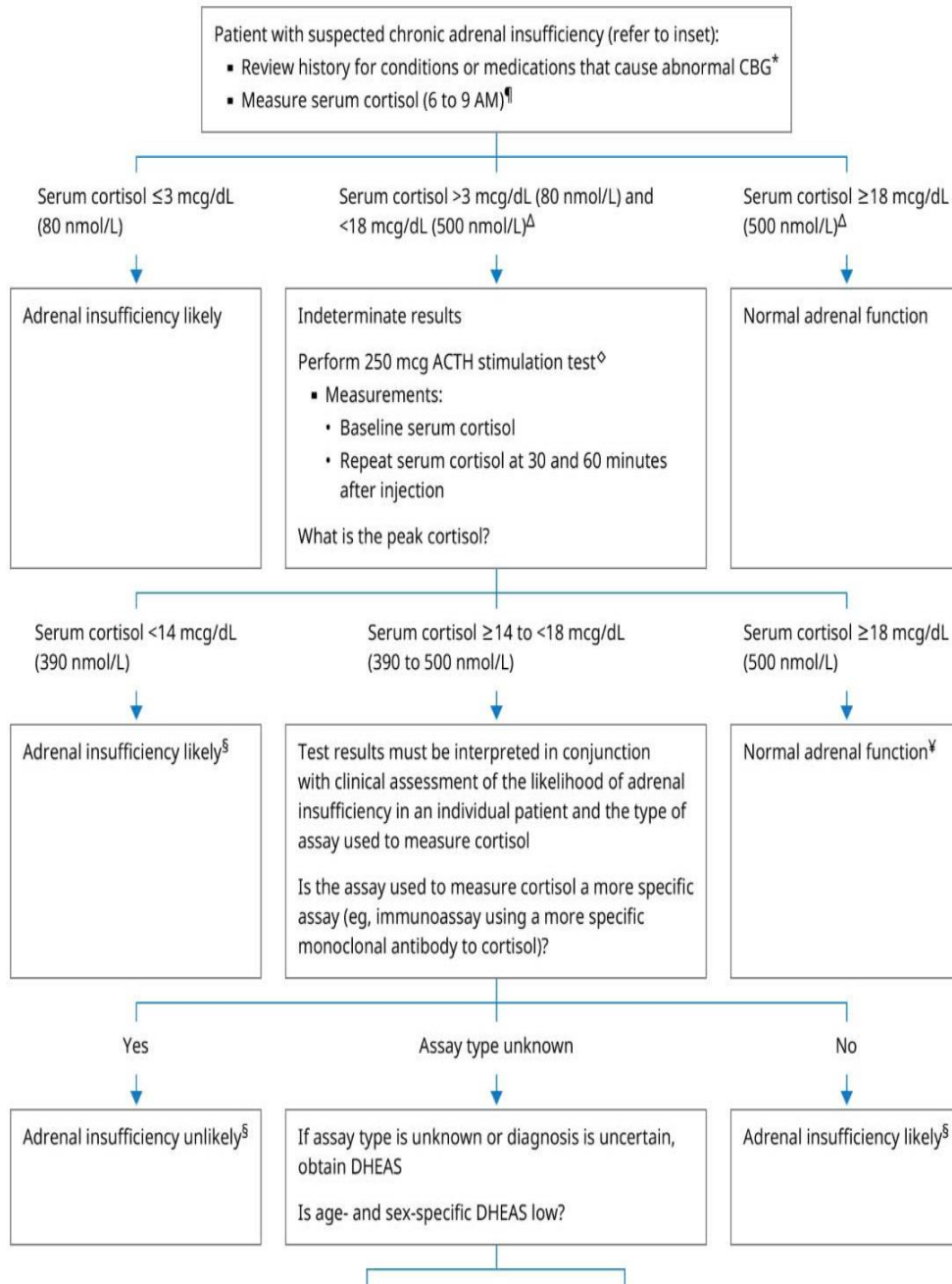
Chẩn đoán: nhiễm trùng huyết

Yêu cầu xét nghiệm: XN MIỄN DỊCH

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	CSBT	ĐƠN VỊ
XN MIỄN DỊCH			
Định lượng Cortisol (máu). M3	241.0 (18H30)		nmol/l

18:40 Ngày 5 tháng 12 năm 2024

BÁC SĨ XÉT NGHIỆM



Bảng chứng từ các nghiên cứu

1. Trong sốc nhiễm trùng:

- Hydrocortisone thường được chỉ định để cải thiện huyết động, giúp giảm liều và thời gian sử dụng thuốc vận mạch, từ đó gián tiếp rút ngắn thời gian thở máy.
- Một số nghiên cứu như **CORTICUS** và **ADRENAL trials** chỉ ra rằng corticosteroids (bao gồm hydrocortisone) có thể giúp bệnh nhân thoát thở máy sớm hơn nhờ cải thiện huyết động và giảm tổn thương phổi do viêm.

2. Trong hội chứng suy hô hấp cấp tính (ARDS):

- Corticosteroids, bao gồm hydrocortisone, được sử dụng để giảm phản ứng viêm phổi kéo dài.
- Một phân tích tổng hợp từ **JAMA 2020** cho thấy corticosteroids làm giảm thời gian thở máy và tỷ lệ tử vong ở bệnh nhân ARDS. (↓)



ChatGPT >



All for your health

Bảng chứng từ nghiên cứu

1. Sốc nhiễm trùng:

- Các thử nghiệm như **CORTICUS trial** và **ADRENAL trial** chỉ ra rằng việc sử dụng corticosteroids (bao gồm hydrocortisone) có liên quan đến tăng nguy cơ nhiễm nấm Candida, đặc biệt là Candida huyết.

2. ARDS:

- Corticosteroids giúp giảm viêm và tổn thương phổi nhưng cũng làm tăng nguy cơ nhiễm trùng cơ hội, bao gồm nấm Candida.

3. Liệu pháp corticosteroids kéo dài:

- Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng việc sử dụng corticosteroids kéo dài có liên quan đến nhiễm Candida niêm mạc và toàn thân.



All for your health

Liều sử dụng:

- Liều thường dùng: **200–300 mg/ngày**, chia liều hoặc truyền liên tục trong 5–7 ngày.
- Ngừng dần thuốc (tapering) để tránh hội chứng cai steroid.

Lưu ý khi sử dụng Hydrocortisone

• Lợi ích:

- Giảm thời gian thở máy và tử vong ở một số bệnh nhân nặng (đặc biệt là sốc nhiễm trùng hoặc ARDS).
- Cải thiện huyết động và giảm nhu cầu vận mạch.

• Nguy cơ:

- Tăng nguy cơ nhiễm trùng thứ phát.
- Tăng glucose máu và rối loạn chuyển hóa.
- Hội chứng cai steroid nếu không ngừng thuốc đúng cách ↓

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 281124-2653
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 10:29:55 28/11/2024
Giờ nhập: 10:42:38 28/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 10:42:39 28/11/2024
Người lấy mẫu: CN. Hà Văn Duy
Giờ nhận mẫu: 10:45:39 28/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	8058	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

BỆNH VIỆN TÂM TRÍ ĐÀ NẴNG
64 Cách Mạng Tháng 8, P.Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng
Điện thoại : 02363 679 555

Số bệnh phẩm: 301124-3001
Số vào viện : 24.012644
Mã y tế: 48193.24045676
Giờ chỉ định: 12:00:00 30/11/2024
Giờ nhập: 12:24:02 30/11/2024
Tình trạng mẫu: Đạt

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: NGUYỄN HẠ
Năm sinh: 12/05/1938 Giới tính: Nam
Địa chỉ: k48/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 12:23:26 30/11/2024
Người lấy mẫu: CN. Hà Văn Duy
Giờ nhận mẫu: 12:26:26 30/11/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
XN MIỄN DỊCH				
Định lượng Troponin T-hs [Máu] M3	0.109	ng/ml	0 - 0.014	Cobas6000_1
Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	3.53	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	7313	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2

Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024

Họ tên: HUỖNH NGUYỄN TRÚC NGÂN
Số điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Người lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

Họ tên: HUỖNH NGUYỄN TRÚC NGÂN
Năm sinh: 06/12/2024 Giới tính: Nữ
Địa chỉ: k48/11 Lê duẩn, Phường Hải Châu 1, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Số điện thoại: 0983010737
Loại bệnh phẩm: Máu;
Bác sĩ chỉ định:
Giờ lấy mẫu: 05:46:27 06/12/2024
Người lấy mẫu: CN. Huỳnh Nguyễn Trúc Ngân
Giờ nhận mẫu: 05:49:27 06/12/2024

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	TRỊ SỐ THAM CHIẾU	TÊN MÁY
Định lượng eGFR (MDRD-4)	42.79	mL/phút/1.73m ²	>= 60	
XN MIỄN DỊCH				
Định lượng Pro-calcitonin [Máu] M3	0.653	ng/ml	< 0.05	Cobas6000_2
Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu] M3	2640	pg/ml	0 - 125	Cobas6000_2



All for your health

	Dịch vào	Dịch ra
03/12/2024	2630 ml	3000 ml
04/12/2024	2550 ml	2950 ml
05/12/2024	2780 ml	3080 ml
06/12/2024	1860 ml	1800 ml
07/12/2024	2660 ml	2300 ml
08/12/2024	1470 ml	2890 ml
09/12/2024	2080 ml	2590 ml



ChatGPT >



Cơ chế gây tăng natri máu trong nhiễm khuẩn huyết do Candida

1. Mất nước tự do (mất nước nhược trương)

• Sốt cao và tăng thông khí:

- Sốt trong nhiễm nấm làm tăng mất nước qua **mồ hôi và đường hô hấp**.
- Bệnh nhân thở máy hoặc tăng thông khí làm tăng mất nước qua phổi, dẫn đến mất nước tự do, cô đặc máu và tăng natri máu.

• Tổn thương thận cấp (AKI):

- Nhiễm khuẩn huyết do nấm thường gây **tổn thương ống thận cấp**, làm giảm khả năng tái hấp thu nước tự do của thận.
- Bệnh nhân có thể biểu hiện **thiếu niệu** hoặc **đa niệu do mất khả năng cô đặc nước tiểu**, gây tăng natri máu.

2. Tăng bài tiết hormon chống bài niệu không thích hợp (SIADH) hoặc rối loạn đáp ứng ADH

- Trong giai đoạn sớm của nhiễm khuẩn huyết, cơ thể  ể tiết **hormon chống bài niệu (ADH)** không thích hợp, gây

+  Tin nhắn

ChatGPT >



3. Quá tải natri từ dịch truyền

- Bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết nặng thường được **bù dịch và điều trị tích cực** bằng các dịch truyền ưu trương hoặc chứa natri cao (NaCl 0.9% hoặc các dịch ưu trương khác).
- Quá tải natri trong bối cảnh mất nước tự do làm natri máu tăng cao.

4. Tổn thương thận và giảm khả năng thải natri

- Tình trạng **suy thận cấp** có thể làm giảm khả năng thải natri qua nước tiểu, đặc biệt khi có tổn thương ống thận.

5. Toan chuyển hóa và tăng áp lực thẩm thấu

- Nhiễm nấm huyết nặng gây **toan chuyển hóa**, làm tăng áp lực thẩm thấu huyết tương, kéo nước ra khỏi tế bào, dẫn đến **cô đặc dịch ngoại bào** và tăng natri máu.

Biểu hiện lâm sàng của tăng natri máu

- Khát nước nhiều ( ều bệnh nhân còn tỉnh).

+  Tin nhắn

All for your health

Cơ chế gây suy tim cấp do nhiễm khuẩn huyết nấm

1. **Viêm nội tâm mạc nhiễm nấm:** Nấm (thường là Candida hoặc Aspergillus) có thể bám vào các van tim hoặc nội mạc tim, gây viêm và hình thành sùi. Tổn thương này làm giảm chức năng co bóp của tim, dẫn đến suy tim cấp.
2. **Nhiễm độc và đáp ứng viêm hệ thống:** Sự phát tán của nấm và các độc tố nấm vào tuần hoàn gây phản ứng viêm hệ thống (SIRS), làm rối loạn huyết động, hạ huyết áp, giảm tưới máu cơ tim.
3. **Tắc mạch do sùi nấm:** Các mảnh sùi hoặc cụm nấm có thể vỡ ra và gây tắc mạch vành, dẫn đến nhồi máu cơ tim hoặc suy tim cấp.
4. **Nhiễm nấm cơ tim:** Nấm có thể trực tiếp xâm nhập vào cơ tim, làm tổn thương tế bào cơ tim và gây suy giảm chức năng co bóp của tim.

Triệu chứng

- Sốt cao, rét run kéo dài.
- Khó thở, phù phổi.





Tỷ lệ tử vong do nhiễm nấm huyết Candida là rất cao, dao động từ **30% đến 60%**, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như tình trạng bệnh nền, mức độ nặng của nhiễm khuẩn huyết, loại Candida gây bệnh và thời điểm điều trị kháng nấm thích hợp.



Tỷ lệ tử vong do **viêm phổi liên quan đến thở máy (VPLQTM)** do **vi khuẩn đa kháng** là rất cao, có thể dao động từ **30% đến 70%** tùy vào mức độ nhiễm trùng, loại vi khuẩn, và các yếu tố bệnh lý nền của bệnh nhân.

Các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ tử vong:

1. Loại vi khuẩn gây bệnh:

- Các vi khuẩn như *Acinetobacter baumannii*, *Pseudomonas aeruginosa*, và *Klebsiella pneumoniae* kháng carbapenem hoặc kháng nhiều loại kháng sinh khác gây nhiễm trùng nặng và tỷ lệ tử vong cao.



All for your health



THANK YOU